



BÌA SÁCH NĂM 2003

## **Thực Tại Thiên**

**Những Bước Chân Trong Rừng Thiên Việt Nam**

\*

**Đương Đạo**

\*

**Thiện Tri Thức**

2003

\*

SUÙ TẬP THỰC HIỆN  
**THƯỜNG HỦ LÊ NIÊN**  
2020

## Mục Lục

- 1. Tâm Ấn Chư Phật
- 2. Tâm Ấn: Thực Tại Thanh Tịnh Bản Nhiên
- 3. Giải Thoát Sanh Tử
- 4. Thực Tại Trước Mắt
- 5. Hiện Tại Vĩnh Cửu
- 6. Cái Chính Mình : Bốn Mắt Nhìn Nhau
- 7. Hành Động: Từ Tự Do Đến Tự Do
- 8. Nền Tảng Của Đời Sống
- 9. Con Đường Của Sự Rõ Tâm
- 10. Tiếp Xúc Với Thực Tại

\*\*\*

**Kính lễ chư Thiên sư Việt Nam trong quá khứ,  
hiện tại và tương lai.  
Xin ban phước cho con để con nói được phần nào  
thân ngữ tâm của các ngài.  
Việc làm này nếu có chút công đức gì,  
xin hồi hướng tất cả cho dòng tương tục của Thiên  
tông Việt Nam**

**\* \* \* \* \***

---

Thực tại Thiên không phải là cái gì mới lạ.

Đó là Phật tánh trong kinh Đại Bát Niết Bàn, là Tri Kiến Phật hay Thật tướng của các pháp trong kinh Pháp Hoa, là Như Lai Tạng trong kinh Lăng Nghiêm, Thắng Man, là Pháp Giới Tánh trong kinh Hoa Nghiêm, là Tánh Giác trong kinh Viên Giác, là Tánh Không trong kinh Đại Bát Nhã, là Thánh Trí Tự Giác trong kinh Lăng Già...

Với những Thiên sư Việt Nam cũng có rất nhiều tên để gọi nó. Nhưng dù gọi bằng danh từ gì, chỉ bày theo cách nào, thì cũng chỉ là một Thực Tại xuyên suốt dòng lịch sử Thiên.

Sau đây chúng ta sẽ dạo những bước chân thăm dò, chiêm ngưỡng phần nào những gì các Thiên sư ngày xưa đã muốn chỉ dạy, đã muốn truyền lại cho muôn đời sau.

Chính sự tiếp cận của các ngài và cách thức làm cho người khác tiếp cận với Thực Tại – những điều làm nên cuộc đời của các ngài – đã làm nên Thiên Tông, cũng là dòng chảy chính của tâm linh và văn hóa Việt Nam.

# Thực Tại Thiên, Những Bước Chân Trong Rừng Thiền Việt Nam

*Đương Đạo*

Thiện Tri Thức

\*

## 1. Tâm Ấn Chư Phật

### Tâm Ấn Chư Phật

Bài kệ của Thiền sư **Tỳ Ni Đa Lưu Chi** truyền cho đệ tử **Pháp Hiền** vào thế kỷ thứ 6 là bài kệ truyền dòng đầu tiên của Thiền tông Việt Nam.

Dòng Thiền **Tỳ Ni Đa Lưu Chi** đóng góp rất lớn cho sự khai sinh triều Lý, cho đến đời thứ 12 với **Thiền sư Vạn Hạnh** thì triều Lý được thành lập với sự lên ngôi của **Lý Công Uẩn**.

Cơ duyên ngộ đạo của ngài **Tỳ Ni Đa Lưu Chi** được *Thiền Uyển Tập Anh* chép lại như sau :

“Đời Trần Đại Kiến thứ 6, năm Giáp Ngọ (574), Sư đến Trường An. Gặp lúc **Chu Võ Đế** phá diệt Phật giáo, Sư

muốn sang đất Nghiệp. Bấy giờ đệ tam tổ **Tăng Xán** đi ty nạn, mang y bát ở ẩn trong núi Tư Không. Sư đến gặp **Tổ**, thấy cử chỉ phi phạm, trong lòng phát niềm kính mộ, bèn đến trước mặt, chắp tay đứng ba lần. **Tổ** vẫn ngồi yên không nói. Trong lúc đứng suy nghĩ, hoát nhiên như có chỗ đắc, liền sụp lạy ba lạy. **Tổ** gật đầu ba cái mà thôi. Sư lùi lại ba bước, thưa : “Đệ tử bấy lâu chưa có cơ hội, xin hòa thượng đại từ bi, cho con theo hầu hạ hai bên.” **Tổ** nói : “Người nên mau về phương Nam giao tiếp, không nên ở đây lâu.”

Đến tháng 3 năm Canh Tý, Sư đến nước ta, dịch kinh **Tổng trì**, một quyển.”

Như thế, Thiên Tông đã truyền vào Việt Nam vào thời Tam tổ, trước thời của ngài **Lục tổ Huệ Năng** và năm phái Thiên về sau này.

Ở trên sở dĩ nói bài kệ của Thiên sư **Tỳ Ni Đa Lưu Chi** là bài kệ truyền dòng không chỉ vì nó là bài kệ đầu tiên từ một vị sơ tổ, mà chính vì nội dung nó chứa tất cả tinh túy, ý nghĩa, sự nhìn thấy chân lý, tu hành và chứng đắc chân lý của Thiên Tông.

Hơn 200 năm sau, với Thiên sư **Vô Ngôn Thông**, Thiên Việt Nam cũng có một bài kệ truyền dòng tương tự như vậy.

Tất cả những Thiền sư của dòng **Tỳ Ni Đa Lưu Chi** đều được nuôi dưỡng bởi, tu hành trong và chứng ngộ được cái thực tại – ở đây ngài **Tỳ Ni Đa Lưu Chi** gọi là tâm ấn chư Phật – mà bài kệ ấy muốn chỉ ra, nhấn gửi và trao truyền, cho đến chúng ta ngày nay.

Bài kệ tâm ấn chư Phật đã được nói ra cho chúng ta, một lần cho mãi mãi.

Bài kệ ngài **Tỳ Ni Đa Lưu Chi** nói cho đệ tử **Pháp Hiền**, thế hệ thứ nhất dòng **Thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi**, trước khi thị tịch là như sau :

*Phàm tâm ấn chư Phật  
Tất không lừa dối  
Tròn đồng thái hư  
Không thiếu không dư,  
Không đi không đến  
Chẳng một chẳng khác  
Chẳng thường chẳng đoạn,  
Vốn không chỗ sanh  
Cũng không chỗ diệt  
Cũng chẳng lìa xa  
Chẳng không lìa xa,  
Vì đối vọng duyên  
Mà giả lập tên.  
Bởi thế chư Phật ba đời  
Cũng y[1]\* như thế*



*Tổ sư nhiều đời  
Cũng y như thế đấy  
Ta cũng y như thế đấy  
Ngươi cũng y như thế đấy  
Cho đến hữu tình vô tình  
Cũng y như thế đấy.  
Vả Tổ ta Xán công  
Ấn cho ta tâm đó  
Bảo ta mau về Nam giao tiếp  
Không nên ở lâu  
Rồi mới đến đây  
Bèn cùng ngươi gặp  
Quả hợp huyền ký  
Ngươi khéo giữ gìn  
Giờ ta đi đã đến.*

Tâm ấn ấy, thực tại ấy vẫn như vậy trước mắt chúng ta, bất chấp sự hưng vong của lịch sử, bất chấp sanh già bệnh chết của mỗi chúng ta, bất chấp những cái thấy bị biến dạng vì thành kiến, vì tham sân si của chúng ta. Bởi vì, Nó thì ‘*Trước trời trước đất vẫn trong trắng hoài*’, như lời **Thiền sư Nhãn Tế**, vị Thiền sư Việt Nam vào nửa đầu thế kỷ 20, đã đi học pháp ở Tây Tạng vào những năm 30 của thế kỷ.

Lại một dòng Thiền khác, từ một hướng khác, được truyền vào ở một thời điểm khác, nhưng cũng vẫn chỉ là một tâm ấn ấy, tâm ấn của chư **Phật Tổ**.

Như người xưa nói, ‘Ngồi trong nồi cơm mà chết đói ê hê, ở trong biển nước mà chết khát ê hê.’

**Đức Phật** đã nói, *‘Tất cả chúng sanh đều có Tri Kiến Như Lai, thế mà vì chạy theo vọng tưởng để oan uổng trôi lăn trong khổ đau, sanh tử.’*

**Tổ Tỳ Ni Đa Lưu Chi** cũng nói :

*Vốn không chỗ sanh  
Cũng không chỗ diệt  
Cũng chẳng lìa xa  
Chẳng không lìa xa.*

**Tâm ấn ấy, thực tại ấy chưa hề lìa xa chúng ta.**

Hơn thế nữa, tất cả chúng ta từ vô thủy đến nay, dù khổ đau hay hạnh phúc, dù đi đúng đường hay lạc đường, dù biết hay không biết, dù suy nghĩ có lý hay suy nghĩ bậy bạ, dù lên cao hay xuống thấp, dù sống nơi cõi Ta Bà này hay về Tịnh Độ... tất cả đều không ra ngoài Cái Ấy.

**Tất cả chúng ta vẫn hằng ở trong Cái Ấy, trong Thực Tại ấy, trong Tâm Ấn ấy, từ vô thủy đến vô chung.**

Bởi vì, **‘Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh’**, tất cả chúng sanh đều là Phật tánh.

Đó mới là điều quan trọng nhất của Con Đường, của Thiên.

Nói theo ngôn ngữ của Đại thừa Ấn Độ và Tây Tạng, thực tại tâm ấn ấy là Nền Tảng của Thiên, Con Đường của Thiên và Quả của Thiên.

Thực tại ấy là cái Thấy (tri kiến) của Thiên, Thiên Định của Thiên và Hạnh của Thiên.

Không có sự cứu độ nào bằng khi biết rằng chúng ta vẫn đang ở trong Thực Tại ấy, dù chúng ta có chú ý đến điều đó hay không, dù chúng ta nói hay hoặc nói dở, dù chúng ta nói hoặc nín, dù chúng ta làm hay không làm, dù chúng ta đi hay đứng, dù chúng ta thức hay ngủ... Dù chúng ta nói một điều gì, sai hay đúng, cũng không ra ngoài Cái Ấy, cũng vẫn là Cái Ấy, dù chúng ta có văn minh hay cổ điển, dù chúng ta mở mắt hay nhắm mắt, tinh tấn hay giải đãi, vô minh hay hết vô minh... chúng ta cũng không ra ngoài Cái Ấy, cũng vẫn là Cái Ấy, vô thủy vô chung.

*Bởi thế chư Phật ba đời  
Cũng y như thế  
Tổ sư nhiều đời  
Cũng y như thế đặc  
Ta cũng y như thế đặc  
Ngươi cũng y như thế đặc*

*Cho đến hữu tình vô tình  
Cũng y như thế đặc.*

Có cái gì có thể ra ngoài cái Như Thế này đâu ? Có một hành động nào của thân, khẩu, ý có thể lọt ra ngoài cái Như Thế này đâu ?

Tin được như vậy, thấu hiểu được như vậy, sống trong mọi mặt của sự sống mình được như vậy, gọi là (chỉ ‘gọi là’, bởi vì ‘vì đối vọng duyên, mà giả lập tên’) sống Thiên.

Và sống được như vậy thì ‘cho đến hữu tình vô tình’ cũng đều vốn ở trong Niết bàn, vốn đã thành Phật, vì xưa nay vẫn hằng ở trong cái ‘Như Thế mà đặc’.

\* \* \*

**Cho nên chúng ta không ai có thể từ chối Tâm Ấn, từ chối Pháp, từ chối Thiên, khi Nó vẫn muôn đời ở đó.**

Chúng ta có thể lấy lý do tôi đang bận làm giàu, tôi đang bận tiến vào thời đại thông tin, tôi đang lo cho những khám phá mới..., chúng ta có lo hay không lo, có chánh niệm hay thất niệm, có nhìn hay không nhìn, có biết hay

không biết, Nó vẫn ở đó, bao trùm lấy toàn bộ cuộc đời của chúng ta.

**Từ chối Tâm An, từ chối Pháp, quay lưng với Thực Tại, chúng ta chỉ càng lúc càng hạn hẹp cuộc đời mình, càng lúc càng kẹt nghẽn trong thời gian và không gian hữu hạn, càng điên đảo trong một thế giới vọng tưởng do mình phân chia lắp ghép và ‘tự mua bán lấy’.**

Còn Pháp thì chẳng hề hấn gì bởi thế giới loạn thần của chúng ta, chẳng tương can gì đến cuộc đời và thái độ của chúng ta, nó muôn đời ở đó, dù chư Phật có ra đời hay không, có thuyết pháp hay không.

“Vâng, tôi thấy hình như điều đó đúng. Bởi vì từ gần hai ngàn năm nay, các Thiên sư trong các dòng Thiên khác nhau đều ‘như cùng một miệng, nói cùng một lời’ về Thực Tại ấy, về Tâm An ấy.

Thế thì tại sao người ta vẫn không biết đến Thực Tại ấy, để sống trong Nó để có hạnh phúc thật sự và bình an toại nguyện thật sự, để có Nền Tảng, Con Đường và Quả cho cuộc đời phù du của mình ?”

Bởi thế, đó chính là nhiệm vụ của các Thiên sư từng thế hệ, của các Phật tử đang đồng hành với con người và thời đại của họ.

Bởi thế mà có cái được đặt tên là Thiên, ‘vì đối vọng duyên mà giả lập tên’ : vì có sự mê mờ không thấy được

cái thật của chính mình trong khi mình vẫn là cái đó, đây là một nhân duyên hư vọng (vọng duyên) cho nên có cái gọi là Thiên tông (giả lập tên) để Khai Thị Ngộ Nhập cho người. Nhưng dù có làm việc Khai Thị Ngộ Nhập này, dù đó là công việc công đức nhất, thì đó cũng chỉ là ở về mặt chân lý tương đối mà nói.

**Ở trong chân lý tuyệt đối, việc làm công đức ấy cũng chỉ là giả lập, vì mỗi người đều có Phật tánh, có ai đem Phật tánh cho ai đâu.**

*Bởi thế chúng ta chớ làm mà nghĩ rằng Phật tánh, Tâm là cái gì mà vị Thầy nào ban cho chúng ta.*

Mỗi chúng ta đều có sẵn Tâm, chỉ là chúng ta không nhận biết nó do mãi chạy theo các tư tưởng, nhớ nghĩ, khi có khi không ; chúng ta không thấy nó là đời sống thật của mình, sử dụng nó sai lầm để rồi cuộc đời chỉ là sự trôi dạt theo vọng tưởng triền miên, nắm bắt hoa đóm không dứt.

Vị Thầy không ban cho chúng ta cái đó, vị Thầy chỉ ‘ấn’ lại ‘tâm’ ta cho đúng, nghĩa là đưa nó nhìn thấy lại bản tánh của chính nó, để cho nó không còn sai lầm, hoạt động theo cách bị ràng buộc trong những trò chơi thù dệt vẽ vờ của chính nó.

Khi tâm nhìn ra ‘bộ mặt thật’ của nó, nhìn ra ‘bản tánh’ của nó, toàn bộ vận hành tạo ra tư tưởng của nó sẽ thay

đôi : thay vì sự vận hành để tạo ra khổ đau sanh tử, thì đây là sự vận hành trong giải thoát, tự do.

Và như vậy tâm phát huy đầy đủ khả năng diệu dụng của nó.

Không ai cho chúng ta tâm cả, sự thật này là ‘dân chủ’ tuyệt đối, nếu nói theo chữ nghĩa ngày nay.

Chỉ là chúng ta vẫn sống trên đất tâm mà chúng ta không biết, không biết làm gì, và có làm gì là do phiền não xui khiến, nên chúng ta không thấy nó, không biết nó, không sống được với nó.

Công sức của vị Thầy ‘ấn cho ta tâm đó’ không có nghĩa là ban cho chúng ta tâm đó, mà ấn định, xác định, gom nó lại vào trong thực chất của nó, trong cái ấn của chính nó, không cho nó vương vãi.

Như thế vị Thầy chỉ ra cho chúng ta tâm thật sự là gì, ấn định cho cốt lõi tinh túy của đời sống của chúng ta là gì ; khi chúng ta đã được ấn định, xác định cái thật từ bao đời nay vẫn là nền tảng của cuộc sống chúng ta thì có đại gì mà chúng ta không sống với tâm ấy, muôn đời mãi kiếp.

Khi đã tự mình xác định, xác quyết tâm ấy rồi, chúng ta sống với tâm ấy, với toàn thể thực tại của nó, toàn thể hoạt dụng của nó, đó gọi là ‘ngươi khéo giữ gìn’.

Cho nên Thiên (hay thực tại) là muôn đời xưa cũ và muôn đời mới mẻ, trẻ trung.

Muôn đời xưa cũ vì nó đã có từ trước khi chúng ta tự nhận mình là một cá thể tách lìa với toàn thể để đi mãi trong cuộc sống chết luân hồi và nó vẫn là chúng ta trong suốt cuộc hành trình lang thang đơn độc không biết khi nào chấm dứt ấy.

Muôn đời vẫn mới vì nó là không gian và thời gian vô tận cho bất kỳ một biến cố nào, bất kỳ một xuất hiện phát minh nào của lịch sử.

Hơn thế nữa, muôn đời vẫn mới vì nó không có chỗ trụ, nghĩa là không có sự cứng đờng và già chết.

Trong nó không có một tiến trình sanh trụ dị diệt thô sơ, một tiến trình sanh để rồi tiếp theo một tiến trình chết.

Trong nó mỗi khoảnh khắc là vô hạn cái sanh và vô hạn cái diệt, nghĩa là không có một cái diệt tách biệt với một cái sanh, một cái chết tách biệt với một cái sống.

**Trong ánh sáng của tâm tất cả đều chết đi và sống lại trong khoảnh khắc. Khi không có cái diệt, cái chết tách biệt với cái sanh, cái sống, thì cái diệt, cái chết theo nghĩa thường tình không còn nữa.**

**Đó là cái Toàn Thể hay cái Thực Tại mà Thiên đề nghị với mỗi chúng ta.**



\* \* \*

Tâm ấn mà ngài **Tỳ Ni Đa Lưu Chi** muốn khai thị và truyền lại cho đời sau ở đây là gì ?

Đó là thực tại được nói trong nhiều kinh điển.

**Nó là Pháp thân, là Tri Kiến Phật, là Phật tánh mà chúng sanh đều có, là Thật tướng của tất cả các pháp, là cái Bỏ Lai Thanh Tịnh, là bản tánh của tâm, là cái để Khai Thị Ngộ Nhập, là tánh Không...**

Nhưng điều quan trọng nhất không phải là những mô tả về Tâm Ấn ấy : ‘tròn đầy thái hư, không thiếu không dư, không đi không đến, không được không mất, chẳng một chẳng khác...’

Điều quan trọng nhất không phải là Tâm Ấn ấy không lệ thuộc không gian thời gian, mà chính bởi vì Tâm Ấn ấy vốn ‘tròn đầy thái hư, không thiếu không dư, không đi không đến, không được không mất...’ nghĩa là không lệ thuộc thời gian và không gian mà sự kiện quan trọng nhất là Nó đang hiện tiền trước mặt mỗi chúng ta.

Như đức Phật đã nói trong nhiều kinh, ở đây chỉ trích ra một câu nói của đức Phật với ngài Tu Bồ Đề trong

kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật (phẩm Vô Tác và những phẩm khác) về điều quan trọng nhất ấy :

*Vì dù Phật có ra đời hay không, thật tướng các pháp vẫn luôn thường trụ không khác, vì pháp tướng pháp trụ pháp vị thường trụ duy nhất một tướng chẳng sai chẳng mất vậy.*

Tâm ấn hay thực tại ấy là Pháp theo nghĩa tinh túy nhất của từ này.

Tâm ấn của chư Phật hay ‘thật tướng các pháp’ vẫn thường trụ chẳng sai chẳng mất như vậy.

**Tâm ấn của chư Tổ vẫn ‘tự cổ thường nhiên’ như vậy. Thực tại xưa nay vẫn như vậy, pháp nhĩ như thị, pháp vốn như vậy.**

Bởi vì nếu không như thế thì Thiên tông nói riêng và Phật giáo nói chung có ăn nhằm gì đến mỗi chúng ta, khi mỗi chúng ta hằng ngày phải kiếm sống, phải lo toan đủ chuyện, và rộng ra cả xã hội, phải tăng trưởng kinh tế, bài trừ những tệ nạn xã hội, phải sống trong một thế giới với biết bao nhiêu vấn nạn của nó ?

Và rồi mỗi người của chúng ta phải già từ thế giới ấy để đi theo cái chết của riêng mình ?

Nếu không như thế thì chẳng lẽ Thiên tông, tinh túy của dòng sống tâm linh của đất nước chúng ta, đời sống tâm linh của lịch sử chúng ta, lại chỉ dành cho những người biết Hán-Nôm, những người hoài cổ và chẳng có một ảnh hưởng nào vào sinh hoạt xã hội, vào sự sống của con người, vào những đổi thay lớn lao trên bề mặt của thời đại ?

Trong khi đó, với Thiên sư **Chân Nguyên**, một Thiên sư lỗi lạc thế kỷ 17, nghĩa là sau **Tổ Tỳ Ni Đa Lưu Chi** hơn một ngàn năm, người làm hưng vượng phái Thiên Trúc Lâm – một phái Thiên chú trọng đến đời sống quốc gia đất nước – thì chúng ta thấy thực tại Thiên, tâm ấn của **Tỳ Ni Đa Lưu Chi** hay là cái ‘chân không vô tướng’ có ảnh hưởng như thế nào đến con người và thế giới :

“Đó là Chân Không vô tướng, là cha mẹ của trời đất muôn vật, làm nền tảng cho thế giới sanh linh, suốt cả xưa nay chẳng sanh chẳng diệt... Ân hiền cùng bày, sắc không chẳng hai, trời đất muôn vật chỉ một thể nguyên thần, vô trụ vô vi. Chợt lộ mặt thật xưa nay, lìa danh lìa tướng, mở toang then chốt trên đảnh môn hướng thượng, đèn tâm của Phật, Tổ truyền sáng mãi không cùng. Lúc hiện mà nói thì có tám vạn pháp môn, khi mật mà ngộ, thì chỉ bốn mắt nhìn nhau.

Tôn kính chúc rằng :

*Quốc gia vĩnh cửu, ngôi báu kim luân và trời đất trường tồn.*

*Phật đạo không cùng, nói Tổ truyền Tông cùng Thửu Phong chẳng mất.”*

Thực tại đó ảnh hưởng tới con người và xã hội, đơn giản bởi vì khi con người sống không có nền tảng, mà chỉ trôi dạt theo ảo tưởng và phiền não, nó chỉ làm rắc rối thêm cho mình và cho người.

Và khi xã hội hoạt động không có nền tảng, mà chỉ chạy theo những mốt, những trào lưu, nó làm sao tiến bộ cho đúng hướng để trở thành một xã hội phát triển trong mọi mặt vật chất và tâm linh ?

\*\*\*

## 2. Tâm Ấn: Thực Tại Thanh Tịnh Bản Nhiên

Khoảng 300 năm sau **Tỳ Ni Đa Lưu Chi**, Thiền sư **Vô Ngôn Thông** người Việt Nam đặc pháp với **Tổ Bách Trượng** ở Trung Hoa và lập ra dòng Thiền thứ hai của Việt Nam.

Ngài nói với đệ tử **Cảm Thành**, thế hệ thứ nhất *dòng Thiền Vô Ngôn Thông* rằng :

“Xưa đức Thế Tôn vì một nhân duyên lớn mà xuất hiện ở đời, duyên giáo hóa xong, ngài vào Niết bàn. Chân tâm vi diệu này gọi là Chánh pháp nhãn tạng, thật tướng vô tướng, tam muội pháp môn, tự ngài trao truyền cho đệ tử là tôn giả **Ma Ha Ca Diếp** làm sơ tổ, đời đời truyền nhau, đến tổ **Đạt Ma** từ Ấn Độ sang, trải bao nguy hiểm, để truyền pháp này cho đến **Lục tổ** Tào Khê, đặc pháp nơi **Ngũ tổ**. Khi **Tổ Đạt Ma** mới đến, vì người đời chưa tin, nên lấy việc truyền y để làm rõ việc đặc pháp. Nay đức tin đã chín muồi, thì y bát là đầu mối của tranh chấp. **Ngũ tổ** dặn : “Phải dừng lại ở nơi ông, không nên truyền nữa.” Từ đó lấy tâm truyền tâm, không truyền y bát...

Ta nhờ ở **Bách Trượng** mà đặc tâm pháp đó. Đã lâu nghe phương này, hâm mộ Đại thừa cũng nhiều, nên ta về Nam để tìm thiện tri thức. Nay gặp được người, ấy bởi duyên xưa. Hãy lắng nghe ta nói kệ :

*Các nơi đồn đãi  
Dối tỵ rao truyền  
Rằng thủy tổ ta  
Gốc từ Tây thiên  
Truyền pháp nhĩn tạng  
Gọi đó là Thiên  
Một hoa năm cánh  
Hạt giống liên miên  
Ngâm hợp lời mật  
Muôn ngàn có duyên  
Đều gọi tâm tông  
Thanh tịnh bản nhiên.  
Tây thiên cõi này  
Cõi này Tây thiên  
Xưa nay nhật nguyệt  
Xưa nay sơn xuyên (núi sông)  
Chạm, tô thành trệ  
Phật, Tổ thành oan  
Sai nó mảy may  
Mất nó trăm ngàn  
Ngươi khéo quan sát  
Chớ lừa cháu con  
Dẫu có hỏi ta  
Ta vốn Vô Ngôn.*

Nghe xong lời đó, Sư (**Cảm Thành**) liền lãnh ngộ.  
Có vị tăng đến hỏi Sư : Thế nào là Phật ?

Sư đáp : Khấp tất cả chỗ.

Lại hỏi : Thế nào là Phật tâm ?

Sư đáp : Chẳng từng che dấu.

Lại hỏi : Người học không hiểu.

Sư nói : Lầm qua rồi vậy.”

Những người ‘có duyên’ với nó, nghĩa là đã tiếp xúc, đã tương ứng với nó ‘đều gọi’ đó là ‘tâm tông’.

**Tâm tông là gì ? Tâm ở đây là bản tánh của tâm, thực tại tối hậu nơi mỗi chúng ta, và khi chúng ta kinh nghiệm được Tâm này thì tất cả vũ trụ đều là Tâm.**

Thí như tất cả vũ trụ làm bằng cùng một chất là vàng, thế thì khi chúng ta thể nghiệm được chất vàng đồng nhất trong tất cả này, chúng ta thấy toàn thể thế giới là vàng ròng.

Không còn sự phân biệt ta người, đây kia, tốt xấu, thích ghét... do đó mà không còn phiền não, do đó mà an vui. Chúng ta là vàng, nghĩa là chúng ta là tất cả, và vàng đó ‘**khấp tất cả chỗ**’ nên vàng không hạn cuộc vào một chỗ nào, không vì một chỗ nào, một hiện tượng nào sanh diệt mà vàng sanh diệt theo, do đó mà giải thoát. Vàng là tất cả, nhưng vàng không riêng là một vật gì cả.

Thực tại đó thì ‘**thanh tịnh bản nhiên**’, nghĩa là nó chưa từng bị ô nhiễm bởi những phiền não của chúng

ta, chưa từng bị ô nhiễm bởi thế giới tạo thành bằng không gian hạn hẹp, chia cắt và thời gian một chiều bó buộc của chúng ta. Nó vẫn hăng hăng như vậy và bởi vì hăng hăng thanh tịnh như vậy, nó luôn luôn mới mẻ, trẻ trung, sung mãn. (Chỉ những cái gì nhiễm ô, đóng khung chết cứng trong tâm, những cái ấy mới nằm trong phạm trù cũ.) Khi chúng ngộ được thực tại đó, chúng ta mới thấy mình chưa từng nhiễm ô, chưa từng có một tư tưởng nào sanh khởi và lưu lại, chưa từng có một ngày bị bõm trong sanh tử, hay nói theo kinh Viên Giác, “mới hay sanh tử Niết bàn chỉ là giấc mộng hôm qua”.

Đứng trong thực tại, nghĩa là ở trong cái ‘*thanh tịnh bản nhiên*’ này, trong ‘*chánh pháp nhãn tạng*’ này, mới thấy những sự đến đi, những sự truyền vào, nối tiếp hay đứt đoạn, những sự kiện lịch sử ‘gốc tự Tây thiên, truyền pháp nhãn tạng’... đều chỉ là mộng huyễn bọt ảnh, ‘dối tự rao truyền’.

Bởi vì xưa nay đều gồm đủ trong đó, Tây thiên hay Đông thiên đều gồm đủ trong đó, một hoa năm cánh (không phải riêng quốc độ nào) đều gồm đủ trong đó, tất cả không gian đều gồm đủ trong đó, tất cả thời gian đều gồm đủ trong đó :

*Thanh tịnh bản nhiên*  
*Tây thiên cõi này*  
*Cõi này Tây thiên*



*Xưa nay nhật nguyệt  
Xưa nay sơn xuyên*

Thiền chỉ là chứng ngộ cho được cái hiện tại vĩnh cửu rõ ràng trước mắt này mà thôi vậy.

\* \* \*

Bởi vì thực tại vốn thanh tịnh như vậy (thanh tịnh bản nhiên), nó không cần tư tưởng của chúng ta nâng đỡ, tô vẽ, thêm bớt gì cho nó cả.

Trái lại càng xúc chạm đến nó, càng tô điểm cho nó bằng những ý niệm thì cái thấy nguyên sơ của chúng ta về nó lại càng méo mó, hư giả, ngưng đọng, vướng mắc. Ở mức độ cao hơn, nó không cần quán tưởng, định tâm gì với nó cả.

Quán tưởng, tập trung chỉ làm cho nó ngưng đọng, vướng mắc. Tất cả những tạo tác của tâm thức chỉ tạo thêm những màn che, những méo mó giả tạo giữa chúng ta và Nó.

Đây là điều mà câu nói, ‘*Ngay trên cái nhìn thấy trần trụi mà giải thoát*’, hay câu kinh trong kinh Kim Cương ‘*thấy các tướng chẳng phải tướng tức thấy Như Lai*’ diễn tả.

Nếu xúc chạm, tô điểm, tạo tác với Nó, những cái trung gian vô ích đó sẽ làm cho Pháp méo mó, và do đó mà hiểu lầm cái mà Phật, Tổ muốn chỉ bày : ‘Phật, Tổ thành oan’. Nói có Pháp (để ý chữ Pháp ở đây viết hoa) để tu, có Pháp để chứng đó là nói oan cho Phật, Tổ.

**Cái không sanh diệt vốn là không sanh diệt. Nó chẳng dính dáng gì đến những cái sanh diệt.**

Thế mà khởi lên tư tưởng tu, tu thế này tu thế nọ, rồi cho cái không sanh diệt là cái này cái nọ, kết quả của cái này cái nọ.

Tất cả những tư tưởng khởi diệt đó chẳng tạo ra được cái vốn vô sanh, trái lại chỉ đưa hành giả vào trong rừng rậm của sanh diệt.

Cái gì có sanh, cái đó phải diệt. Cái không sanh diệt thì cần gì phải có tư tưởng nào sanh, phương pháp nào sanh để rồi những thứ ấy sẽ diệt ?

Nếu ở nơi sanh diệt mà tu, thì những cái sanh diệt chỉ có ý nghĩa : cái gì đã hư vọng sanh, phải đưa chúng về diệt ; cái gì sanh diệt đã hư vọng sanh, phải “tu” cho chúng thành tịch diệt để cái không sanh diệt lộ bày.

Nếu cứ tạo tác trong sanh diệt để làm ra cái không sanh diệt, đó là : *“Sai Nó mảy may, mất Nó trăm ngàn”*.

\* \* \*

**Thực tại không thể làm ra, chỉ có thể quán sát Nó, thấy Nó.**

Ở đây bài kệ cho chúng ta thấy cách thực hành của Thiền sau khi ngộ được thực tại : *‘ngươi khéo quán sát’*.

Công thức ‘khéo tự hộ trì’ là một câu nói thường thấy của các Thiền sư dặn dò đệ tử sau khi đã ngộ được Tâm. *‘Khéo tự hộ trì’* hay ‘Ngươi khéo quán sát’ nói lên một điều : sau khi đã thấy được Nó, công việc còn lại không phải là thêm thắt gì vào Nó, mà cứ để nó nguyên trạng, không làm nó biến dạng bởi những tư tưởng ý niệm của mình, và khéo léo hộ trì Nó, quán sát Nó.

‘Ngươi khéo quán sát’ nghĩa là hãy thường thấy Nó.

Và ở đây chúng ta thấy vẫn là một nguyên lý của đạo Phật : chúng ta thấy cái gì thì chúng ta là cái đó. Chúng ta thường thấy cái gì thì chúng ta thường là cái đó.

Nếu như trong một niệm chúng ta tương ứng được với Nó (nhất niệm tương ứng) thì sau đó bèn là “niệm niệm tương ứng” cho đến khi nó hoàn toàn tự tại, thoát khỏi mọi che chướng do chúng ta tạo ra mà hiển lộ toàn vẹn. Công phu sau ngộ chỉ là khéo hộ trì, khéo quán sát, thường thấy này.

Nếu ngô chính là cái Thấy, thấy được Nền Tảng không có tự tánh hay Thật Tánh của tất cả các pháp (hiện tượng) thì Con Đường là hộ trì cái Thấy này, hộ trì nền tảng này, và Quả chính là cái Thấy đó đã thanh tịnh và mở suốt tron ven, Nền Tảng đó đã hiển lộ tron ven.

Như vậy, Con Đường và Quả đều nằm trọn trong cái Thấy, cái Nền Tảng.

Nhưng vì nghiệp che chướng và cản trở của chúng ta mà rất ít người trong nhân loại có thể chứng đắc cái Thấy, Con Đường và Quả trong một lần, mặc dù chúng rớt ráo chỉ là một.

Thế nên trong mức độ chung, bình thường, chúng ta chia ra làm ba : cái Thấy (Nền Tảng), Con Đường (Thiền Định) và Quả.

**Thiền định hay tham thiền ở đây là khéo tự hộ trì, khéo quán sát, thường thấy vậy.**

Tóm lại, một khi đã thấy hay nhận biết hay xác quyết Nền Tảng, tất cả sự tu hành, sinh hoạt của chúng ta đều dựa trên Nền Tảng hay cái thấy này, và chính là sống trong Nền Tảng hay cái Thấy này mà cuộc đời chúng ta nở hoa, kết quả.

Nếu khéo quán sát, nếu không lìa khỏi Nền Tảng này – đây là sự tu hành – chúng ta mới khỏi ‘chớ lừa cháu con’.

Và kết thúc bài kệ Thiền sư **Vô Ngôn Thông** đã dùng chính tên mình để chỉ thẳng thực tại :

*Dẫu có hỏi ta  
Ta vốn Vô Ngôn.*

Thực tại chính là sự tịch diệt của mọi tư tưởng, mọi hý luận : sự im lặng tối hậu của tất cả danh tướng cho mọi sự tùy ý biểu lộ tùy theo duyên nghiệp của chúng.

Đó là cái chúng ta gọi là giải thoát.

\* \* \*

Tại sao lại : ‘Các nơi đồn đãi, dối tự rao truyền’ ? Chẳng phải trước đó ngài **Vô Ngôn Thông** đã thuật lại cho **Cảm Thành** về lịch sử trao truyền của Thiền tông cho đến ngài là tổ thứ mười kể từ **Bồ Đề Đạt Ma** đó sao ? Chẳng phải **Tổ Đạt Ma** ‘gốc từ Tây thiên, truyền pháp nhãn tạng, gọi đó là Thiền, một hoa năm cánh, hạt giống liên miên’ là một sự thật lịch sử đó sao ? Tại sao ngài **Vô Ngôn Thông** lại cho rằng chuyện đó chỉ là chuyện đồn đãi hư vọng (vọng tự huyền truyền) ?

Đứng về mặt sự thật hay chân lý tương đối (tục đế) thì tạm nói là có sự trao truyền xảy ra trong dòng lịch sử. Nhưng đứng về mặt sự thật tuyệt đối, tâm ấn (mà ở đây ngài **Vô Ngôn Thông** gọi là ‘pháp đó’ hay ‘chánh pháp nhãn tạng’) đâu phải là một vật để có thể trao truyền từ vị này sang vị khác, và sự trao truyền đó đâu phải là một sự việc lập đi lập lại xảy ra trong thời gian.

Tâm ấn đó, pháp đó ‘*gọi là chánh pháp nhãn tạng, thật tướng vô tướng*’ vốn hằng hằng trước mắt, đâu phải là một vật để trao truyền, đâu thuộc ngôn ngữ định danh phân biệt để có thể nói là có người trao và người nhận, có hành động trao nhận diễn tiến theo thời gian. Tâm ấn đó, cái thật tướng vô tướng đó chỉ có thể ‘khai thị’ thì đúng hơn là ‘trao truyền’. Cái ‘*khấp tất cả chỗ*’, cái ‘chẳng từng che dấu’ há đâu phải là một vật để có thể chuyển giao theo dòng lịch sử.

Chính vì cho chuyện đó là sự đồn đãi hư vọng mà ngài **Vô Ngôn Thông** đưa đệ tử **Cảm Thành** từ sự thật tương đối vào sự thật tuyệt đối.

Và do đó mà Sư **Cảm Thành** ‘lãnh ngộ’, thấu hiểu ra được sự thật tuyệt đối tức là tâm ấn này.

Nhưng nếu **Thiền sư Cảm Thành** biết ơn ngài **Vô Ngôn Thông** bao nhiêu, thì chúng ta, những kẻ sống sau Sư hơn ngàn năm cũng biết ơn ngài không kém.

Biết ơn vì ít ra chúng ta cũng được ngài **Vô Ngôn Thông** bốc lên khỏi những thặng trầm mai một của lịch sử khiến chúng ta có thể tin được rằng cái thực tại ấy vẫn thường trụ với mỗi chúng ta.

Cái ‘khấp tất cả chỗ, chẳng từng che dấu’ ấy vẫn không bị những chuyển dời của lịch sử mà đã đi khỏi mắt với chúng ta.

Nó đã không vì lịch sử điêu tàn mà hao mòn già cõi, cũng không vì tiến bộ, phát triển mà tăng thêm trẻ trung, đẹp đẽ.

Nó vẫn có đó, ở ‘*khấp tất cả chỗ*’ và ‘chẳng từng che dấu’ với mỗi chúng ta. Nó vẫn chờ đó – sự chờ đợi của vĩnh cửu – đến một lúc nào, có một vị nào sẽ chỉ thẳng nó cho chúng ta như ngày xưa tổ tiên chúng ta đã làm thế.

Hay một lúc nào, những che chướng (phiền não chướng và sở tri chướng) của chúng ta mỏng bớt, tự thân chúng ta sẽ thấy nó.

Nhưng hiện giờ, bất chấp những che chướng tạm thời và tự tạo của chúng ta, nó vẫn không hề che dấu, ngăn ngại chúng ta, nó vẫn có đó trước mắt chúng ta, bởi vì nó ‘*khấp tất cả chỗ và chẳng từng che dấu*’.

\* \* \*

### **3. Giải Thoát Sanh Tử**

Khi một trong những vấn đề chính của Phật giáo là giải thoát khỏi sanh lão bệnh tử, hay nói gọn là sanh tử, thì Thiền tông là một con đường của Phật giáo, chủ đề chính của Thiền phải là giải thoát khỏi sanh tử.

Nguyên nhân nào khiến có sanh tử ? Tại sao có sanh tử ?

Trong Nói Rộng Về Bốn Núi (Phổ thuyết tứ sơn), tức là giảng về bốn núi Sanh, Lão, Bệnh, Tử, vua Trần Thái Tông có bài kệ về núi Sanh như sau :

*Trời đất nấu nung vạn tượng thành  
Xưa nay không móng cũng không manh  
Chỉ sai hữu niệm quên vô niệm  
Liên trái vô sanh nhận có sanh  
Mũi lưỡi đắm tham hương lẫn vị  
Mắt tai mờ mịt sắc cùng thanh  
Lang thang làm khách phong trần mãi  
Ngày cách quê hương muôn dặm trường.*

*(HT. Thanh Từ dịch)*



*(Châu tể luân đào vạn tượng thành  
Bản lai phi triệu hữu phi manh  
Chỉ sai hữu niệm vong vô niệm  
Khước bối vô sanh thọ hữu sanh  
Tỵ trước chư hương thiết tham vị  
Nhân manh chúng sắc nhĩ văn thanh  
Vĩnh vi lãng đấng phong trần khách  
Nhật viên gia hương vạn lý trình.)*

Sanh mở đầu cho tiến trình sanh, lão, bệnh, tử. Nhưng sanh khởi đầu bằng cái gì ?

Đó là do tâm sanh vậy (tâm khởi đầu tất cả các pháp, tâm làm chủ – kinh Pháp Cú).

Thế giới có đầy đủ muôn hình tượng, tùy theo nghiệp mà có hình thể, có quá trình sanh trụ hoại diệt. Nhưng ở trong Nền Tảng, chúng có đó mà thật là không, động đó mà thật là không động.

Trong thật tế hay thật tướng, trong cái bản lai thì “không móng cũng không manh”, chưa từng có một hạt bụi dấy lên, sóng chưa từng tách lìa khỏi nước.

Kinh Pháp Hoa nói : ‘*Các pháp từ xưa nay, thường tự tịch diệt tướng.*’

**Chỉ vì tâm động cho nên có thế giới chỉ toàn là chuyển động, vì tâm phân biệt khởi lên nên có thế giới phân chia.**

Vì tư tưởng phân biệt khởi lên nên có thời gian cách biệt, không gian cách biệt.

Quá trình sanh tử chỉ là quá trình của tâm chuyển động thành tư tưởng phân biệt sai lầm.

Nói theo Kinh, Luận thì chỉ do ‘một niệm bất giác’, hoặc nói như ngài **Trần Thái Tông**, chỉ vì sai khác một cái bèn có niệm và như vậy là quên đi, lìa ngoài cái vô niệm.

Chỉ một niệm sai khác bèn lìa khỏi Nhất Tâm để xoay chuyển, khúc xạ thành muôn ngàn thứ tâm, muôn ngàn sai biệt, muôn ngàn hình tướng, muôn ngàn vọng tưởng.

Chỉ một niệm sai khác ‘liền trái vô sanh nhận có sanh’. Từ tâm sai khác một niệm, bèn có ý thức phân biệt chia cắt, và rồi đi xa thêm trong việc sử dụng lầm lạc các giác quan.

Một khi đã lìa khỏi vô niệm, vốn là bản tánh của tâm, vốn là thực tại nền tảng, lạc vào trong bộ máy nghiệp của tư tưởng và tri giác giác quan, thì mỗi ngày mỗi cách xa quê nhà, tức là thực tại ‘**xưa nay không móng cũng không manh**’ vốn hằng hằng vô niệm, nghĩa là không bị vọng niệm làm ô nhiễm.

Và bởi vì ‘**xưa nay không móng cũng không manh**’ cho nên xưa nay không lìa khỏi đương niệm, nghĩa là vẫn muôn đời trước mắt.

Như thế, Thiên tông cũng như những tông phái khác của đạo Phật, cho rằng khổ (sinh tử) và nguyên nhân của khổ chỉ là tâm sai lầm.

Sanh tử khổ đau này không ai tạo ra cả, chỉ do chính mỗi chúng ta mà thôi, chỉ do chúng ta tự làm biến dạng tâm nguyên sơ của mình để thành trùng trùng vọng tưởng phân biệt.

**Có điều Thiên luôn luôn nhấn mạnh là chúng ta không lạc xa đến ‘vạn dặm trường’ mà chúng ta lạc ngay trên đất thật mà mỗi chúng ta đang đứng, lạc ngay trên tâm địa của chúng ta.**

Chúng ta không cách xa quê nhà đến muôn ngàn dặm, mà chúng ta ‘*xưa nay*’ vẫn ở quê nhà, có điều vọng tưởng vô tình và cố tình làm cho chúng ta lạc lõng không thấy, không nhận biết điều đó mà thôi.

Tất cả chúng sanh luôn luôn ở trong Niết bàn của chư Phật.

Có điều chúng sanh chúng ta luôn luôn chuyên hóa Niết bàn thành sanh tử bằng cái thấy sai lầm của mình, còn các Bồ tát thì chuyên hóa sanh tử thành Niết bàn cũng bằng cái thấy đúng của các vị. Có lẽ chính vì quá gần như vậy cho nên Thiên tự nhận là Đốn giáo.

**Thế thì giải thoát sanh tử chỉ là xóa bỏ, điều chỉnh sự sai khác của tâm.**

Tâm đã sai khác thì vắn nó về chỗ cũ của nó, chỗ bản lai xưa nay của nó.

Đưa tâm trở lại nguyên vị chưa méo mó của nó thì thấy ngay thực tại : ***‘Pháp ấy trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ’*** (Kinh Pháp Hoa).

Nó có trái đi mà nhận có sanh thì đưa nó về chỗ không trái của nó, chỗ vô sanh của nó, chỗ bản tánh vô sanh của nó.

Đã lỡ ‘dụi mắt thấy quái’ (xem hai bài tụng của **Thượng sĩ Huệ Trung** và vua **Trần Thánh Tông** đối đáp với nhau) thì thôi dụi đi, để cho mắt trở lại trạng thái cũ mà thấy ***‘rõ ràng thường tự tại’*** (minh minh thường tự tại).

Như thế, một trong những giải quyết vấn nạn sanh tử của Thiên là ở ngay trong sanh tử để thấy bản tánh của sanh tử chính là tánh Không, do đó không có ai để tìm cách tránh và không có cái để phải tránh đi đâu cả.

Từ đây mà có những bài ca giải thoát như Sanh tử nhàn mà thôi (Sanh tử nhàn nhi dĩ) của **Huệ Trung thượng sĩ**.

Thiền sư **Giới Không**, Thế hệ thứ 15, dòng **Tỳ Ni Đa Lưu Chi**, một hôm không bệnh, Sư nói kệ dạy chúng :

*Ta có một việc kỳ đặc  
Chẳng xanh, vàng, đỏ, trắng, đen  
Thiên hạ tại gia, xuất gia  
Yêu sanh, ghét tử là giặc  
Không biết (nên) sanh tử khác đường  
Sanh tử chỉ là được mất.  
Nếu cho sanh tử khác đường  
Lừa cả Thích Ca Di Lặc.  
Nếu biết sanh tử sanh tử  
Mới biết lão tăng ở đâu  
Các người môn nhân, hậu học  
Chớ nhận vòng vo phép tắc.*

Nói kệ xong, Sư cười lớn một tiếng, chấp tay mà mất.

Chúng ta đọc thêm một bài kệ của Thiền sư Đạo Huệ (?-1073) cũng về chuyện sanh tử :

“Ngày mồng một tháng tám năm Nhâm Thìn, Sư hiện bệnh, than rằng :

*Loạn lạc tứ tung  
Do đâu mà đến ?*

Nói kệ rằng :

*Đất, nước, gió, lửa, thức  
Nguyên lai thấy cả Không  
Như mây tan rồi hợp  
Phật nhật chiếu không cùng.*

Lại nói :

*Sắc thân cùng diệu thể  
Chẳng hợp chẳng phân ly  
Nếu ai muốn rõ biết  
Trong lò (lửa) một cành hoa.*

Đến canh ba, Sư im lặng mà hóa.”

Ở đây chúng ta lại thấy tánh Không là cách và cái giải quyết thực sự cho sanh tử : “Đất nước gió lửa thức, nguyên lai thấy cả Không”, nghe như bài **Bát Nhã Tâm Kinh** : ‘**Quán Tự Tại Bồ tát** khi hành **Bát Nhã Ba La**

Mật Đa sâu xa, soi thấy năm uẩn đều Không, vượt tất cả khổ ách'. Và 'sắc thân cùng diệu thể, chẳng hợp chẳng phân ly', 'chẳng hợp chẳng lia' này là một câu nói gặp rất nhiều trong kinh **Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật**.

Có điều hình như Thiên Việt Nam không chỉ nói một mặt Chân Không mà luôn luôn nhấn mạnh mặt Diệu Hữu kia : 'Phật nhật chiếu không cùng', 'Trong lò (lửa) một cành hoa'.

Khi nói Chân Không Diệu Hữu, ấy là nói đến một cái Không đang hiện tiền, đang có mặt ; không phải là một cái Không do các sắc tiêu tan, biến mất rồi mới có Không. Khi nói sắc tức thì Không nghĩa là nói sanh tử tức là giải thoát, không phải sanh tử tiêu tan mới có giải thoát.

Có lần một vị tăng hỏi Tổ **Vô Ngôn Thông** : 'Thế nào là Phật ?' Tổ đáp : 'Khắp tất cả chỗ.' Khi Phật là khắp tất cả chỗ, thì giải thoát cũng khắp tất cả chỗ.

Bởi thế mà khi vua **Lý Thái Tông** hỏi Thiền sư **Thiền Lão** : 'Hàng ngày hòa thượng làm việc gì ?' Sư đáp :

Trúc biết hoa vàng phi (chẳng phải là)  
ngoại cảnh  
Trăng trong mây bạc lộ toàn chân.

Đó là tất cả sanh tử và tất cả giải thoát của một Thiền sư.

\* \* \*

Một khi một người chứng ngộ được thật tướng của sanh tử là Niết bàn, thì đồng thời vì ấy đầy đủ lòng đại bi khi thấy tất cả chúng sanh đang quay cuồng trong nhà lửa sanh tử, mỗi phút giây đều tạo nghiệp khổ đau cho chính họ và cho người khác.

Toàn thể cuốn **Khóa Hư Lục** của **Trần Thái Tông** đều được viết ra với động cơ là lòng bi này, bởi thế đoạn nào cũng biểu lộ một tấm lòng nồng nhiệt muốn thúc bách người khác vượt qua sanh tử khổ đau mà thật ra là không thật có ấy.

Ở đây chúng ta trích ra một đoạn trong **Khuyến phát Bồ đề tâm** để cho thấy mặc dù ít nói về lòng bi, nhưng động cơ sống của một thiền sư là lòng bi, toàn bộ ngôn ngữ của một thiền sư là hừng hực thiết tha vì mục tiêu giải thoát khổ đau cho người khác :

“Đã nghe lời này, phải nên chăm học, chớ có chần chừ. Kinh nói : ‘Một phen mất thân người, muôn kiếp khó



được lại.’ Cho nên Không tử nói : ‘Người không chịu làm thì ta biết làm thế nào.’

Rõ ràng thay, ngày tháng trăm năm chỉ là phút chốc, thân huyễn bốn đại đầu thể lâu dài. Càng ngày càng đăm trần lao, mỗi lúc nghiệp thức càng mêh mông vô tận. Chẳng biết một tánh viên minh, luống theo sáu căn tham dục. Công danh cái thế có chút gì cũng là một trường đại mộng, phú quý kinh người cũng khó khỏi vô thường hai chữ. Tranh ta tranh người, rốt cuộc thành không ; khoe giỏi khoe hay, rốt cùng chẳng thật.

*Gió lửa tan có chi già trẻ  
Núi khe tiêu tận mấy anh hùng*

Đầu xanh chưa mấy lúc, tóc bạc đã sớm pha, ngày vui vừa qua thì ngày điều cũng tới. Một bao máu mủ, bao năm khổ luyện ân tình, bảy thước xương khô mặc sức tham lam tiền của. Thở ra không hện thở vào, sáng nay không chắc giữ được sáng mai.

*Sông ái nổi chìm bao giờ dứt  
Nhà lửa đốt thiêu thưở nào xong*

Chẳng nguyện vượt thoát lưới nghiệp, chỉ vì chưa có công phu. Diêm vương bỗng chốc kêu đòi, sứ giả há cho triển hạn. Ngoảnh lại người thân đâu thấy, rớt ròi nghiệp báo tự mang theo... Mười hai giờ cam chịu đắng cay, năm trăm kiếp thấy đâu hình bóng. Chịu đủ tội nghiệp, lại tiếp luân hồi. Bỗng mất thân hình thuở trước, đổi ra lấy vóc ngày nay. Khoác lông mang sừng, đeo yên da ngậm hàm sắt, lấy thịt nuôi người, dùng mạng trả nợ. Sanh thì bị nạn chày nện dao băm, sống thì gặp khổ nước sôi lửa bỏng. Gây thù tích oán, xâu xé lẫn nhau. Bây giờ dù có biết hồi, học đạo cũng không đường.

Chi bằng gánh vác lấy ngay, đừng để kiếp này lỡ bước. **Đức Thích Ca** bỏ hoàng cung đi thẳng vào Núi Tuyết. **Bàng cư sĩ** đem gia tài đồ ngoài biển cả... **Lục tổ** mới gặp khách, nghe kinh liền tỉnh ngộ. Đạo Thiên nếu không ban cho mùi vị, hiền thánh sao chịu quy y... Đây là nguyên do để nghiệm biết, chớ sanh chán nản thối lui...

... Chúng là loài vật còn hay lãnh ngộ, huống là người sao chẳng hồi tâm ? Hoặc có người vui đầu trong ăn uống, qua mất một đời. Hoặc tu hành làm đường mà chẳng tỉnh ra ý ấy. Đâu biết tánh giác Bồ đề mỗi mỗi viên thành, nào hay căn lành Bát Nhã người người sẵn đủ. Chẳng cứ đại ẩn tiểu ẩn, bất kể tại gia xuất gia, chẳng nề tăng tục, chỉ cốt rõ tâm. Vốn không nam nữ,

nào cần chấp tướng. Người chưa hiểu đôi chia tam giáo, hiểu được rồi đồng ngộ Nhất Tâm. Nếu hay hồi quang phản chiếu, đều được kiến tánh thành Phật.

Hướng chi thân người khó được, Phật pháp khó gặp. Nếu muốn vượt vòng luân hồi sáu nẻo, chỉ có con đường tắt Nhất Thừa. Cần tìm chánh kiến, chớ tin tà sư. Ngộ rồi mới là vào đạo, hành được mới có thể thoát tục. Bước bước dẫm lên đất thật, đầu đầu đều đội hư không. Khi dùng thì muôn cảnh rõ ràng, buông xuống thì một mảy bụi chẳng lập. Đó là địa vượt sanh tử chẳng tương can, cơ liễu ngộ chỗ quý thân nhìn chẳng thấu.

Là phàm là thánh đồng vào một đường này, hoặc oán hoặc thân đều cùng chung một lỗ mũi. Thật ngộ như thế, còn trệ nửa đường. Hãy thôi nói ba huyền hướng thượng, cốt rõ một cái tội hậu mà thôi. Hãy nói, nay thế nào là một cái tội hậu ?

*Núi xanh nơi thấy trời lồng lộng  
Sen đỏ khi bình, nghe nước thơm.”*

\* \* \*

Ở một phương diện khác, chúng ta thấy rằng các Thiền sư Việt Nam thường đi thẳng vào vấn đề sanh tử và tìm ra giải đáp ở chính trong đó. Mặc dù giải đáp là chung, nhưng mỗi người tùy theo cá nhân, cơ cấu tâm sinh lý đặc thù của mình mà có một lối tiếp cận riêng.

“**Vân Phong** hỏi thầy mình là Thiền sư **Thiện Hội** : Khi sống chết đến làm sao tránh khỏi ?

Sư đáp : Hãy nắm lấy chỗ không sống chết mà tránh.

Hỏi : Thế nào là chỗ không sống chết ?

Đáp : Ngay trong sống chết nắm lấy nó mới được.

Hỏi : Làm sao mà hiểu ?

Đáp : Người hãy đi, chiều nay rồi đến.

Buổi chiều Vân Phong lại vào, Sư bảo : Đợi đến sáng mai tất cả chúng sẽ chứng minh cho người.

Sư hoát nhiên tỉnh ngộ, bèn sụp lạy.”

Hoặc một câu chuyện khác về vấn đề sống chết :

“**Sư Quảng Nghiêm** một hôm nghe Thiền sư **Trí Thiên** giảng **Tuyệt Đâu** ngữ lục đến chuyện hai vị tôn túc **Đạo Ngô** và **Tiệm Nguyên** đến chỗ người chết điếu tang và nói về việc sống chết. Sư bèn có chỗ đắc, hỏi rằng : Một câu thoại đầu này, cổ nhân nói ở trong sanh tử lại có lý ấy không ?

Thiền sư **Trí Thiên** nói : Người thể nhận được lý ấy chẳng ?

Sư thưa : Thế nào là lý không có sanh tử ?

Đáp rằng : Chỉ ở trong sanh tử mà hiểu lấy nó.

Sư thưa : Bèn vô sanh rồi vậy.

Thiền sư nói : Tức tự hiểu.

Ngay câu nói sư được triệt suốt, bèn hỏi : Làm sao bảo nhậm (giữ gìn) ?

Thiền sư nói : Rõ rồi lại sống như chưa rõ.

Sư sụp lạy. Từ đó tiếng tăm vang khắp rừng Thiền.”

Qua hai đoạn hỏi đáp trên, chúng ta thấy các Thiền sư không giải thoát sanh tử bằng cách tránh nó, mà bằng sự nhìn thấy thật tướng hay bản tánh của nó.

Ở đây chúng ta xem sự tiếp cận của **Trí Bảo** khi ở với Thiền sư **Đạo Huệ** :

“**Sư Trí Bảo** (?-1190) nghe tiếng Thiền sư **Đạo Huệ** (?-1073) đang giáo hóa ở núi Tiên Du, bèn đến bái kiến, hỏi rằng : Sanh từ đâu đến, chết đi về đâu ?

Thiền sư **Đạo Huệ** đáp : Sanh không có từ đâu đến, chết không có đi về đâu.

Hỏi : Thế chẳng rơi vào chỗ hư vô ư ?

**Đạo Huệ** nói : Chân tánh viên diệu, thể tự không tựa, vận dụng tự tại chẳng đồng với sanh tử. Thế nên, sanh không có từ đâu đến, chết không có đi về đâu.

**Trí Bảo** nghe xong lãnh ngộ, nói :

*Chẳng nhân gió cuốn mây bay sạch  
Sao thấy trời xanh muôn dặm thu.”*

Dĩ nhiên những gì chúng ta nói bàn ở đây chỉ là ý niệm, ngôn ngữ chứ không phải là thực tại.

Còn cái gì **sư Trí Bảo** lãnh ngộ, đó là kinh nghiệm ngộ, một kinh nghiệm vượt khỏi ý niệm và ngôn ngữ, nghĩa là vượt khỏi sanh tử. Nhưng chúng ta có thể thấy mơ hồ bằng ý niệm rằng **sư Trí Bảo** đã lãnh ngộ tánh Không,

cụ thể là tánh Không trong sự việc ‘Sanh không có từ đâu đến, chết không có đi về đâu’. Tánh Không ấy không phải là hư vô mà là ‘chân tánh tròn đầy màu diệu, thể tự không tịch, vận dụng tự tại chẳng đồng với sanh tử’.

\*\*\*

## 4. Thực Tại Trước Mắt

Thiền là thấy thẳng Thực Tại. Thực tại đó không phải là không có cái gì cả, như một vòng tròn trống không của bức tranh Thiền tông số Tám, ‘*Người, trâu đều quên*’, hay bức tranh Đại thừa số Mười, ‘*Hết cả hai*’, mà là bức tranh Thiền tông số Chín, ‘*Trở lại nguồn gốc*’ (Phản bản hoàn nguyên) : đầy đủ nước biếc non xanh, chim chóc cây lá...

Thiền không phải là và cũng không nhắm đến những cảnh giới của định (mà chúng ta thường gọi là Bốn thiền Tám định) như là cứu cánh.

Những cấp độ định chỉ là những trạng thái, dù vi tế hoặc cùng cực vi tế, của tâm. Chúng có thể dùng để huấn luyện cho tâm thức, chúng là những trạng thái, những biểu lộ vi tế của tâm, nhưng chúng không phải là bản tánh của tâm thức, chúng chưa phải là Tâm.

Người xưa thường nói,  **bình thường tâm là Đạo.**

Cái tâm bình thường này là nguyên trạng của tâm, bản tánh của tâm, nền tảng của tâm và nó có mặt ở trong bất kỳ trạng thái nào của tâm, trong bất kỳ không gian thời gian nào.



Như nước có mặt trong bất kỳ hình tướng biểu lộ nào của nước, trong bất kỳ làn sóng nào.

**Thiền chính là bản tánh của tâm, cái tâm bình thường, nguyên trạng không khúc xạ, méo mó này.**

“Thiền sư **Đạo Hạnh** (?-1115) nghe **Kiều Trí Huyền** hóa đạo ở Thái Bình, sư thân đến tham vấn, trình hỏi chân tâm bằng bài kệ :

*Lâu trộn bụi phàm chữa biết vàng  
Chẳng biết nơi đâu ấy chân tâm ?  
Cúi mong chỉ thẳng khai phương tiện  
Thấy trộn như như hết khổ tìm.*

**Trí Huyền** đáp lại bằng bài kệ :

*Trong ngọc bí thanh diễn diệu âm  
Trong đây đầy mắt lộ thiền tâm  
Hà sa cảnh là Bồ đề cảnh  
Nghĩ tới, Bồ đề cách vạn tâm.”*

Phần đời trước của sư **Đạo Hạnh**, cũng giống chúng ta hiện giờ, ‘lâu nay trộn lẫn với bụi phàm’ nên dù nghe

những vị chứng ngộ nói rằng ‘thế giới này toàn bằng vàng ròng’ thì cũng chưa biết vàng đó như thế nào. Chúng ta chẳng biết ‘chân tâm ấy ở đâu’, nên xin ngài ‘chỉ thẳng, mở bày phương tiện’, để ‘thấy trọn như như’ hết dứt khổ đau khao khát kiếm tìm.

Thiền sư **Trí Huyền** đáp : Trong thế giới này là viên ngọc pha lê trong vắt, có âm thanh bí mật diễn diệu âm, có âm thanh không âm thanh, có âm thanh im lặng, diễn bày tất cả sự sống.

Trong cái ở đây và bây giờ, Tâm Thiền (Thực Tại) lộ bày đầy mắt, có chỗ nào mà không là ánh sáng, có chỗ nào chẳng phải là Nó. Hà sa cảnh là cảnh Bồ đề (Giác Ngộ) : tất cả tư tưởng ngôn ngữ đều vô ích, dư thừa. Chân tâm ấy vốn tự lộ bày như vậy, thế mà vừa khởi tư tưởng (động niệm tức quai, động niệm liền sai), nghĩ ngợi toan tính đi tới Nó, thì chính sự động niệm khởi tưởng tham cầu loạn động ấy lại che mất Nó ; chính cái tư tưởng tìm kiếm ấy lại làm cho cách xa mấy vạn dặm.

Thế thì, chân tâm vốn hiện bày trước mắt, cái thực tại nền tảng của tâm hằng hiện diện ở đây, chiếu soi ra qua các giác quan thông suốt không ngăn ngại, thế mà do so đo phân biệt, tính toán đủ thứ bèn tự làm nhiều loạn, che lấp chính mình.

Muốn thấy Nó, hãy thôi trụ chấp vào những hình tướng đặc thù để khởi lên tham ghét loạn xạ.

Hãy để cho tâm tự là chính nó, tự ở nơi địa vị vốn thật của nó, không có tư tưởng làm cho méo mó biến dạng, không có tham lam nắm bắt làm cho nó trở nên hình này tướng nọ.

Khi ấy căn và cảnh suốt thông trong một sự thanh tịnh, cảnh nào chẳng phải là cảnh Bồ đề ? Khi ấy như hai tấm gương sáng đối nhau, tâm cảnh suốt nhất như, cái gì chẳng phải là Bồ đề ?

“**Sư mù mịt không hiểu mới tìm đến pháp hội của Thiền sư **Sùng Phạm** ở chùa Pháp Vân, hỏi rằng : Thế nào là chân tâm ?**

**Thiền sư **Sùng Phạm** nói : Cái gì chẳng phải là chân tâm ?**

**Sư hoát nhiên tự nhận được, lại hỏi : Làm sao gìn giữ (bảo nhậm) ?**

**Sùng Phạm nói : Đói ăn khát uống.**

Sư lễ tạ từ già ra đi. Từ đây thêm pháp lực, duyên thiên càng thuần thực, có thể sai rấn núi, thú rừng họp nhau đến thuần phục. Sư cầu mưa, chữa bệnh, không gì không tức khắc ứng nghiệm.

Có vị tăng hỏi : Đi đứng nằm ngồi đều là tâm Phật, thế nào là tâm Phật ?

Sư dạy kệ rằng :

*Cho có, mảy may có  
Là không, thấy cả không  
Có không, trắng trong nước  
Chớ vương có không không.*”

Với Thiền sư **Sùng Phạm** sư không hiểu, cũng như chúng ta mịt mờ không hiểu, chỉ bởi vì sau một đoạn đời loạn lạc khổ đau, vừa mới nghe có cái hăng hăng tịch lặng bình an thì cái tâm thức loạn lạc ấy vội vàng truy tìm nắm bắt.

Có biết đâu rằng tâm vừa khởi tư tưởng nắm bắt tìm cầu thì cái tuyệt không chủ thể đối tượng lại thành ra đối tượng chủ thể.

Tâm vừa khởi ý tìm cầu thì tâm liền lìa khỏi địa vị của nó mà thành ra tướng, đại dương vừa nổi gió tìm kiếm thì thành ra sóng. Với người chưa thấy bản tánh của tâm là gì, tánh nước của đại dương là gì thì chỉ lạc thêm vào trong tư tưởng, vào trong những làn sóng, càng thêm rối loạn mịt mù. Đó là sự việc hỗn loạn mà người xưa nói là cưỡi trâu tìm trâu, trên đầu lại chồng thêm đầu, trên tuyết lại pha sương...

Cho nên đến khi tâm ý hết đường, tâm ở yên trong chánh vị của nó, không tạo tác, không biến đổi, không khúc xạ méo mó, ngay lúc đó hỏi rằng, ‘Thế nào là chân tâm?’ Thiền sư trả lời: ‘Cái gì chẳng phải là chân tâm?’, bèn khoát nhiên tự nhận được.

Cũng vẫn một chỉ thẳng, một cách nói mà với thầy trước thì nhận không được, vì tâm thức chưa chín muồi, chưa đủ thanh tịnh.

Khi đủ thanh tịnh thì nhận ra ngay: cái gì cũng là chân tâm, từ các tướng cho đến các tướng. Lúc đó chính tâm ấn lên tâm, chính nó ấn lấy nó, chẳng sai trệch mảy may, như một tấm gương soi trọn một tấm gương...

Tất cả mọi sự đều quy về biên chân tánh này, thế nên tất cả mọi việc tu hành đều quy về cái thấy, nghe, hay, biết biên chân tánh này.

Nhưng làm sao thấy biển chân tánh ấy ? Vì tất cả mọi sự đều ở trong biển chân tánh ấy nên sự nào cũng là cái ‘khai phương tiện’ cho chúng ta biển chân tánh ấy.

Nói tóm, đối với Thiên tất cả mọi sự đều là phương tiện để thấy chân tánh, vì mỗi sự vật đều đang ở trong chân tánh ấy, đang là chân tánh ấy.

**Mỗi chúng ta đều đang ở trong chân tánh, mỗi chúng ta đều đang tiếp xúc với chân tánh ấy, thế nên, nếu nói đến cách tiếp cận thì có vô số cách tiếp cận, vô số lối vào, vô số phương tiện.**

Ở đây chúng ta chỉ nói đến một phương tiện, là sự tiếp cận chân tánh bằng con mắt thấy.

Thiền sư **Cứu Chỉ** (tịch vào khoảng 1059-1065) nói với môn đồ :

“Phàm tất cả pháp môn, vốn từ tánh người. Tất cả pháp tánh vốn từ tâm người. Tâm pháp nhất như, vốn không hai pháp. Phiền não trói buộc, tất cả đều không. Tội phước phải quấy, tất cả đều huyễn. Không gì chẳng phải quả, chẳng phải nhân. Chẳng ở trong nghiệp mà phân biệt, chẳng ở trong báo mà phân biệt. Nếu có phân biệt nghiệp, chẳng được tự tại. Tuy thấy tất cả pháp mà không chỗ thấy. Tuy biết tất cả pháp mà không chỗ biết.

Biết tất cả pháp, nhân duyên làm gốc. Thấy tất cả pháp, chánh chân làm tông. Tuy vào thật tế, hiểu rõ thế gian đều như biến hóa. Thấy rõ chúng sanh chỉ là một pháp, không có hai pháp. Chẳng bỏ nghiệp cảnh, phương tiện thiện xảo, nơi hữu vi giới bày pháp hữu vi mà không phân biệt. Tướng của vô vi, là do tận dụng tuyệt ngã, quên niệm so đo vậy.”

Ở đây chúng ta chỉ chú ý đoạn nói về cái thấy. Như thế nào để thấy được chân thân Phật, hay biến chân tánh, mà ngài **Cứu Chỉ** gọi là pháp tánh ? Chúng ta sống ở đây, trong thế giới này có đủ các hình tướng (các pháp) sai biệt do nghiệp báo mà thành, nghĩa là do nhân quả, tức là ‘nhân duyên làm gốc’. Đã do nhân duyên sanh, nên không có tự tánh, do đó mà ‘tất cả đều như huyễn’. Trong nghiệp báo không có tự tánh, như huyễn’ ấy mà phân biệt, tâm bèn trôi lăn theo các biến hiện của nghiệp, mất đi bản tánh vốn tự tại của nó. Thế nên ở trong gương mà phân biệt theo các hình bóng phản chiếu trong đó, thì chỉ thấy bóng chẳng thấy gương tự tại đâu. Còn nếu trong đó mà không phân biệt, thì toàn thể bóng là gương ; ở trong gương mà không phân biệt, thì tất cả hoàn lại nguyên trạng là gương, do đó mà được tự tại, dù các bóng có thế nào.

**Thấy tánh, chỉ là ‘tuy thấy tất cả pháp mà không chỗ thấy’.**

**Khi cái thấy không trụ vào một vài hình tướng riêng biệt nào, thì đây là toàn thể cái thấy, cái thấy toàn khắp, đó gọi là thấy tánh.**

Tất cả bóng đều ở trong gương nhưng vì gương toàn khắp không chỗ trụ nên chẳng bóng nào làm ngăn ngại được gương. Cũng một đường lối tiếp cận như vậy, **kinh Kim Cương** nói : **Thấy các tướng chẳng phải tướng tức thấy Như Lai.**

‘Chẳng phải tướng’ là không thấy các hình tướng riêng biệt, không trụ vào một vài hình tướng riêng biệt, không trụ vào sự sai biệt của các hình tướng.

Nếu biết giải thoát cái thấy ra khỏi một vài hình tướng riêng biệt, thì đó là thấy tánh. Đó gọi là giải thoát ngay trên cái thấy.

‘**Biết tất cả pháp mà không chỗ biết**’ cũng như vậy : biết mà không phân biệt thì cái biết ấy là toàn thể tánh giác, là tất cả pháp tánh.

‘Thấy tất cả pháp, chánh chân làm tông’, ‘chánh chân’ ở đây nghĩa là ‘thấy rõ chúng sanh (và tất cả các pháp) chỉ là một pháp, không có hai pháp’.

‘Chánh chân’ như thế cũng là chánh kiến, nghĩa là cái thấy không bao hàm sự phân biệt, không lọt vào sự phân biệt của thức.



Chánh chân là một cái thấy toàn thể, không bị phân hóa biến dạng thành chủ thể và những đối tượng. Ở trong một cái thấy như vậy, con mắt không còn ở một chỗ nào, mà ở khắp tất cả chỗ. Khắp tất cả chỗ đều là con mắt, đều là một con mắt vậy.

Tóm lại, thực tại trước mắt là cái không phải chuyện cũ cách đây hơn ngàn năm, cũng chẳng phải hôm nay mới có.

Qua sự chỉ dạy tha thiết của các Thiên sư ngày xưa, chúng ta có thể lần vào để trực tiếp gặp nó, thể nghiệm nó, tìm thấy cho cuộc đời của mình cái nền tảng đích thật, hết trôi dạt tha phương, bất toại nguyện và khôn khổ :

“Tướng không là thật tướng, thân không tức Pháp thân, sạch trọi trơn, trần trụi tự nhiên không vướng mắc, không một vật, không thể nắm bắt. Nếu gọi là một vật, lại chẳng đúng lý.” (Thiên sư **Chân Nguyên** – Kiến Tánh Thành Phật.)

\* \* \*

Cũng cái thực tại trước mắt này, Thiền sư **Thường Chiếu** (?-1203) nói trong hai bài kệ :

*Ở đời làm thân người  
Tâm là tạng Như Lai  
Chiếu ngời khắp phương cõi  
Tìm đó càng bật bóng.*

Và bài kệ thị tịch :

*Đạo vốn không nhan sắc  
Mỗi ngày mỗi mới khoe  
Ngoài đại thiên sa cõi  
Nơi đâu chẳng phải nhà.*

Chung quy của Phật pháp là cái thực tại hiện ở trước mắt này. Trong **kinh Pháp Hoa** (phẩm Hóa Thành Dụ) đức Phật kể :

Đức **Đại Thông Trí Thắng Phật** thọ năm trăm bốn mươi vạn ức triệu kiếp, đức Phật đó khi ngồi nơi đạo tràng phá quân ma rồi, sắp được đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác mà Phật pháp chẳng hiện ra trước mắt (hiện tiền). Như vậy hết một cho đến mười tiểu kiếp,

ngồi xếp bằng, thân và tâm đều không động mà Phật pháp vẫn chẳng hiện ra trước mắt (hiện tiền)...

Các Tỳ kheo ! (Như vậy) đức **Đại Thông Trí Thắng Phật** trải qua mười tiểu kiếp rồi, các Phật pháp mới hiện ra trước mắt (hiện tiền) mà thành đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Phật pháp ở đây trong ngữ cảnh của **kinh Pháp Hoa** nói riêng và Đại thừa nói chung, là Phật tánh hay Như Lai tạng hay Pháp thân v.v...

**Thực tại ấy không còn bị vướng mắc bởi phiền não chướng và sở tri chướng mà xuất hiện một cách trọn vẹn trước mắt, thì đó gọi là Giác Ngộ.**

Phật pháp đó là Trí Huệ Như Lai (trong **kinh Pháp Hoa** gọi là Tri Kiến Phật) trong lời nói của Thiền sư **Trường Nguyên** (1110-1165). Sư thường bảo mọi người :

“Lạ thay ! lạ thay ! Tại sao các chúng sanh đây có đầy đủ trí huệ của Như Lai mà ngu si mê làm chẳng thấy chẳng biết. Ta thường đem đạo dạy dỗ, khiến họ vĩnh viễn lìa vọng tưởng chấp trước ở trong tự thân mà được thấy trí huệ rộng lớn của Như Lai, lợi ích an lạc.”

Trí huệ Như Lai này chính là ‘ở đời làm thân người, tâm là tạng Như Lai, chiếu ngời khắp phương cõi...’  
Trí huệ Như Lai này mỗi chúng sanh chúng ta đều có đầy đủ, nghĩa là vẫn thường tự hiện tiền, nhưng chúng ta chẳng thấy chẳng biết vì bám chấp vọng tưởng ở trong tự thân. Và khi thấy được nó thì :

*Đạo vốn không nhan sắc  
Mỗi ngày mỗi mới khoe  
Ngoài đại thiên sa cõi  
Nơi đâu chẳng phải nhà.*

Thế nên thấy được thực tại trước mắt mà không nhiễm ô lẫn lộn với những hình tướng, với tư tưởng ý niệm thì đó là Thiên :

*Pháp thân thanh tịnh Phật vô tướng  
Sáng lặng trong đầy như hư không  
Hình nghi chẳng mượn lấy thanh cầu  
Dung mạo can gì với sắc pháp.  
Muôn tượng đồng quy biển chân tánh  
Mảy trần chẳng nhiễm vốn nguồn linh  
Rõ ràng hiển hiện Phật chân thân  
Lồ lộ Như Lai thường đối diện.  
(Thiền sư **Chân Nguyên**)*

\* \* \*

## 5. Hiện Tại Vĩnh Cửu

Vua **Trần Thái Tông**, tức **Trần Cảnh**, vị vua đầu tiên của đời Trần thời thanh niên không mấy vui, nếu không nói là bi kịch.

**Trần Cảnh** còn rất nhỏ đã được hầu cận **Lý Chiêu Hoàng**, vua cuối cùng của đời Lý. **Trần Thủ Độ** là chú **Trần Cảnh** đã bố trí cho **Chiêu Hoàng** lấy **Trần Cảnh** và ít lâu sau nhường ngôi cho chồng.

Lúc đó **Trần Cảnh** mới 8 tuổi. Chưa có con, **Trần Thủ Độ** lại ép **Trần Cảnh** lúc đó 19 tuổi giáng **Lý Chiêu Hoàng** làm công chúa để lập **Thuận Thiên**, vợ **Trần Liễu**, anh ruột của **Trần Cảnh**, lúc đó có thai đã ba tháng lên làm hoàng hậu.

Trong những năm làm vua có lần ông đã bỏ triều đình trốn lên núi Yên Tử gặp Quốc sư **Trúc Lâm**, rơi nước mắt và nói với Quốc sư : ‘Trẫm đương trẻ thơ, cha mẹ vội mất, chơ vơ đứng trên dân chúng, không chỗ tựa nương. Lại nghĩ sự nghiệp các vua thuở trước, hung phé chẳng thường, cho nên tìm đến núi này, chỉ cầu làm Phật không cầu gì khác.’

Quốc sư nói : ‘Trong núi vốn không có Phật, Phật ở ngay nơi tâm. Tâm tịch lặng mà biết, đó là Phật chân thật. Nếu bệ hạ ngộ được tâm này thì lập tức thành Phật, chẳng khổ công tìm cầu ở đâu khác bên ngoài.’

Sau đây là lời tự thuật của vua **Trần Thái Tông** : ‘Trẫm phải về kinh, miễn cưỡng lên ngôi. Trong khoảng hơn chục năm, mỗi khi rảnh việc lại hội họp các bậc cao đức để tham thiền hỏi đạo. Còn như các kinh điển thì không kinh nào không nghiên cứu. Trẫm thường đọc kinh Kim Cương, một hôm đọc đến câu “Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, vừa mới gấp sách lại ngâm tụng, khoát nhiên tự ngộ. Lấy chỗ ngộ đó làm bài ca này, đặt tên là **Thiền Tông chỉ Nam...**’

\* \* \*

## 6. Cái Chính Mình : Bốn Mắt Nhìn Nhau

Thiền sư **Chân Nguyên** (1647-1726) năm 19 tuổi lên chùa Hoa Yên yết kiến Thiền sư **Tuệ Nguyệt Chân Trú**. Ngài **Tuệ Nguyệt** hỏi : “Ngươi ở đâu đến đây ?” Sư thưa : “Vốn không đi lại.” **Tuệ Nguyệt** biết sư là pháp khí về sau, bèn thế phát xuất gia cho với pháp danh là **Tuệ Đăng**. Không bao lâu sau **Tuệ Nguyệt** tịch. Sư cùng bạn đồng học là **Như Niệm** phát nguyện tu hạnh đầu đà đi du phương tham vấn Phật pháp.

Thời gian sau **Như Niệm** trở về trụ trì chùa Cô Tiên, sư lên núi Côn Cương tham vấn Thiền sư **Minh Lương** là đệ tử của **Chuyết Chuyết**. Sư hỏi : “’ Bao năm đồn chứa ngọc trong đây, hôm nay tận mắt thấy thế nào’ là sao ?” Thiền sư **Minh Lương** đưa mắt nhìn thẳng vào Sư, Sư nhìn lại, hai mắt gặp nhau, Sư liền cảm ngộ, sụp xuống lạy. **Minh Lương** bảo : “Dòng thiền Lâm Tế trao cho ông, ông nên kế thừa làm thanh ở đời.” Rồi đặt cho sư pháp hiệu **Chân Nguyên** và bài kệ phó pháp :

Ngọc quý ẩn trong đá  
Hoa sen mọc từ bùn  
Hãy biết chỗ sanh tử  
Ngộ đó, tức Bồ đề.



Chính vì do việc ‘Bốn mắt nhìn nhau’ (tứ mục tương cố) này mà ngộ nhập thực tại nên về sau trong những sáng tác của mình, Thiền sư **Chân Nguyên** nhiều lần nói đến ‘bốn mắt nhìn nhau’.

\* \* \*

Qua sự việc bốn mắt nhìn nhau này, chúng ta thấy một khi tâm thức đã chín muồi, đã qua một thực hành sơ bộ đủ để tâm thức bớt đi hai sự che chướng của phiền não và sở tri, thì bất cứ một sự tiếp xúc nào, nhất là với một người đang sống trong thực tại ấy thì như lửa đá xẹt, ánh điện chớp (kích thạch hỏa, thiểm điện quang), người ta thấy ngay, thể nhập ngay thực tại.

Mặc dầu có thể chúng ta không hiểu kinh nghiệm bốn mắt nhìn nhau này thực sự là cái gì, nhưng đang trên con đường tích tập và chuẩn bị cho trí huệ bùng phát, ít nhất chúng ta cũng có niềm tin rằng Cái Đó (Thực Tại) có thể xuất hiện bất cứ lúc nào, ở bất cứ đâu một khi chúng ta đã chuẩn bị đầy đủ, đã chín muồi.

Niềm tin này là động lực cho sự tích tập chuẩn bị và nỗ lực của chúng ta, vì khi tâm thức đủ thanh tịnh, nó liền thấy Pháp thanh tịnh.

Chúng ta hãy xem xét tiếp thêm ‘bốn mắt nhìn nhau’ để thấy ra một vài đặc tính của cái thực tại trong bốn mắt nhìn nhau này :

Hiện ra nhãn nhĩ thanh âm  
Tứ mục tương cố chẳng tâm thời gì  
Tâm nguyên không tịch vô vi  
Ngộ được tức thì quả chứng Như Lai.

Thực tại ấy đầy khắp trong mắt tai mũi lưỡi thân ý, đầy khắp trong sắc thanh hương vị xúc pháp..., và ở đây thiền sư **Chân Nguyên** gọi thực tại ấy là Tâm.

Nhưng sở dĩ chúng ta không thấy được, không biết được vì tâm thức chúng ta chưa được thanh tịnh.

Quá trình tu hành chuẩn bị chính là sự tịnh hóa tâm thức này. Như ở đây Thiền sư **Chân Nguyên** đã ‘phát nguyện tu hạnh đầu đà đi du phương tham vấn Phật pháp’.

Trong quá trình tịnh hóa đó, tâm thức Sư đã trưởng thành, đã chín muồi. Vì đã chín muồi, đã tiếp cận, đã tiến đến rất gần, Sư mới có được câu hỏi từ đáy lòng mình : “Bao năm dòn chứa ngọc trong đây, hôm nay tận mắt thấy thế nào’ là sao ?” Và bốn mắt nhìn nhau, và ‘đá xẹt, điện chớp’, và thấy, và ‘ngộ đó, tức Bồ đề’.

Thiền tông cũng như những tông khác, sự tu hành dù có hình thức gì thì bản chất cũng là tịnh hóa tâm thức. Thiền tông cũng như Đại thừa, cho rằng Phật và chúng sanh đồng một tâm, chỉ có điều tâm thức chúng sanh thì bất tịnh, nghĩa là có nhiễm ô, còn tâm Phật thì thanh tịnh, nghĩa là không có nhiễm ô. Và khi tâm thanh tịnh thì thấy các pháp bản lai thanh tịnh, thấy cõi Phật này thanh tịnh.

Như thế muốn thấy được thực tại vốn xưa nay thanh tịnh này chỉ cần ‘hồi đầu thị ngạn’, quay đầu lại là bờ. Nhưng sự tịnh hóa, sự quay đầu lại của Thiền tông thì khá đặc biệt ; ở đây chúng ta dẫn một phong cách thường thấy trong Thiền Trung Hoa :

“Thiền sư **Vô Nghiệp** (760-821) nghe tiếng **Mã Tổ**, tìm đến yết kiến. **Mã Tổ** thấy tướng mạo Sư kỳ đặc, tiếng nói trong như chuông, bèn bảo :

– Cao lớn nghiêm trang mà trong ấy không có Phật.

Sư lễ lạy quỳ thưa :

– Về Kinh điển con có hiểu biết qua, thường nghe Thiền Môn nói “Tức Tâm là Phật”, thật chưa hiểu thấu.

– Chỉ cái tâm chưa hiểu đó chính là nó, ngoài ra không có vật gì khác.

– Thế nào là tâm ẩn mật truyền của Tổ sư từ Ấn Độ sang ?

– Tự đại đức đang ồn ào. Hãy đi, khi khác đến.

Sư vừa đi ra, Mã Tổ gọi :

– Đại đức !

Sư xoay đầu lại.

Mã Tổ hỏi :

– Là cái gì ?

Sư liền lãnh hội, lễ lạy.

Mã Tổ bảo : Gã khờ, lẽ lạy làm gì ?”

\* \* \*

Thực tại thì ở khắp tất cả chỗ, đụng vào đâu cũng có thể ‘đá chớp điện xẹt’, ở nơi nào cũng hiển lộ trong ‘bốn mắt nhìn nhau’. Sở dĩ như vậy là vì nơi chúng ta luôn luôn có Cái Đó.

Cái Đó vẫn ở với chúng ta từ vô thủy đến vô chung, cho nên khi đủ duyên, khi đã mỏng bớt ngăn che thì ‘đá chớp điện xẹt’ bèn lộ toàn thân vậy.

Quả thật không có an ủi nào bằng, không có phần khích nào bằng ! **Đức Thích Ca** đã chứng ngộ hoàn toàn Cái Đó mà thành Chánh Đẳng Chánh Giác, đức **A Di Đà** đã chứng ngộ hoàn toàn Cái Đó mà thành Phật và kiến lập Tịnh độ Tây phương, Bồ tát **Quán Thế Âm** đã chứng ngộ hoàn toàn Cái Đó mà khắp hiện Hóa thân, Trí Bi tròn đủ...

Vậy mà bây giờ Cái Đó vốn có nơi mỗi chúng ta, là quyền lợi tối thượng của mỗi chúng ta, chúng ta có thể nào lơ là, không tinh tấn ?

Cái Đó chưa từng cách chúng ta một mảy tóc, cong  
lông, chưa từng lia chúng ta một khoảnh khắc, một sát  
na, thế mà chúng ta không khám phá nó, thế nghiệm nó  
thì có phải cuộc đời chúng ta rất uổng phí hay không ?

Cái Đó gần chúng ta hơn cả máu thịt, cả hơi thở, cả sự  
sống và cái chết, bởi vì Cái Đó là cái Chính Mình, thật  
sự là chính mình, của chúng ta vậy :

Ta có một thân Phật  
Người đời ít kẻ biết  
Không một giọt bùn, tro  
Không một điểm hình sắc  
Vàng ròng khó đúc thành  
Gỗ đá khó chạm khắc  
Thợ trời tạo chẳng thành  
Trộm đất cắp chẳng được  
Nước lửa chẳng can gì  
Nghiêm nhiên gió chẳng thổi  
Lặng sáng đầy thái hư  
Đoan nghiêm rất kỳ đặc  
Tròn sáng có một thân  
Hóa thân trăm ngàn ức.  
(Thiền sư **Chân Nguyên**)

Chính vì mỗi mỗi chúng ta đều có Cái Này, mỗi mỗi  
chúng ta đều là Cái Này, nên mỗi mỗi đụng vào là mỗi  
mỗi lửa đá xẹt, tia điện chớp.

Chính vì Cái Này mà chư Phật thị hiện xuất thế khai thị chỉ bày, chư Tổ dày công đẽ gọt dạy dỗ.

Chính vì Cái Này mà các Bồ tát lòng bi như trời như biển, vì Cái Này còn hơn trời hơn biển.

Chính vì Cái Này là cái Chính Mình của mỗi chúng ta :

“Thiền sư **Minh Trí** (?-1196) một hôm đang đàm luận với một vị tăng, có vị tăng bên cạnh nói : ‘Nói hết là **Văn Thù**, nín bặt là **Duy Ma**.’

Sư nói ngay : ‘Không nói, không nín, đâu chẳng phải là ông ?’”

Nếu chúng ta thực sự tha thiết tìm cầu, lấy chỉ một câu này mà tham thiền, không dừng lại trong những vọng tưởng ý niệm bọt bèo, không dừng lại trong cái ‘trong treo vắng lặng’ của định tâm, thì có ngày cánh cửa trước mặt sẽ mở toang ra mà thấy ‘không nói, không nín, đâu chẳng phải là ông’ vậy.

\* \* \*

Tâm nhân địa tu hành – nói theo **kinh Viên Giác** – của Thiền chỉ là Cái Đó, cái chính mình, cái Pháp thân... Bởi thế Thiền không y cứ vào những phương tiện giả lập, những loại quán tưởng có tính cách đối trị, trung gian, thậm chí những tầng thiền định – bốn Thiền, tám Định – vì những tầng thiền định này chỉ là những trạng thái, dù vi tế, của Tâm.

Phương tiện tu hành của Thiền không phải là một phương tiện nhân tạo và khác với cứu cánh ; phương tiện của Thiền chính là cái cứu cánh đó.

Nếu Thiền có quán là quán ngay ‘Chân Thể’ (hay Pháp thân), có định là định trong ‘Chân Thể’.

Cho nên nhân tu hành của Thiền chính là quả Ba Thân Phật (Pháp thân, Báo thân, Hóa thân), và quả Ba Thân này vốn nằm ngay trong tự tánh của mình.

Nhân của Thiền không phải là một nhân phương tiện giả lập để đạt đến cái Quả ở ngoài nhân, mà nhân ấy đã vốn nằm trong Quả, nhân tới đâu thì quả hiện bày tới đó.

Sở dĩ Thiền được gọi là Đốn vì thế, vì nó tu hành, sinh hoạt ngay trong Phật địa, và đối với Thiền, chỉ có một địa duy nhất là Phật địa, nó chẳng chú trọng đến những giai đoạn (những địa riêng rẽ) ở trong Phật địa Pháp thân. Từ bước đầu tiên cho đến bước cuối cùng đều xảy ra trong một địa duy nhất là Phật địa.



Nhưng cái Pháp thân, cái Tâm, cái Thực Tại, cái Phật Tánh Chính Minh ấy chưa hề rời lìa chúng ta đến một mảy may không gian và một sát na thời gian.

Nó chưa hề rời lìa sinh hoạt sanh tử này đến mảy lông cọng tóc.

Thiền sư **Chân Nguyên** khai thị :

“Đó chính là mọi người trong suốt mười hai giờ đi đứng nằm ngồi, thấy nghe hay biết, nhướng mày chớp mắt, ứng cơ tiếp vật, đưa tay động chân, một thể tròn sáng, sáu căn vận dụng, ứng âm ứng thanh, hay thấy hay nghe, biết nói biết năng, biện rõ phải trái.

Nói năng đó là gì ? Cái gì biết hỏi đáp ? Đây chính là pháp thân của mọi người, là tự tánh chân không, hay ứng ra âm thanh, miệng lưỡi mà hỏi đáp. Đây là tánh chân không người người sẵn đủ, kẻ kẻ viên thành, ở thánh chẳng thêm, ở phàm chẳng bớt, không biến không đổi, không cũ không mới, không quá khứ hiện tại vị lai, hư không bình đẳng, trong lặng tròn sáng, từ mênh mộng kiếp đến nay tự riêng ở ngay tại đây, gió thổi chẳng động, mưa tưới chẳng ướt, lửa đốt chẳng cháy, dùi nhọn chẳng phủng... sạch lầu lầu, bày trần trụi, không một vật, nắm chẳng được, lộ lộ trước mắt, rục rờ soi khắp. Đây là Pháp thân chân không thanh tịnh, không hình không tướng, tròn đồng thái hư, nghiêm

nhiên thường trụ vậy. Như hư không rộng lớn, bao trùm trời đất, xuyên suốt núi sông, suốt xưa tới nay, vững mãi như vậy. Nên biết núi sông đại địa rốt ráo là hoa đóm trong hư không, thân thể bốn đại, âm dương đều là huyền hóa, ‘phàm hễ có tướng đều là hư vọng’.”

\* \* \*

Nếu nói theo ngôn ngữ đời thường ngày nay, Thiền thì hiện thực hơn bất kỳ hiện thực nào, thực dụng hơn bất kỳ thực dụng nào, cụ thể hơn bất kỳ cụ thể nào, và là chất lượng sống hơn bất kỳ chất lượng sống nào.

Thiền sư **Minh Châu Hương Hải** (1628-1715) giảng câu **kinh Kim Cương** ‘Thế nên Như Lai nói tất cả pháp đều là Phật pháp’ như sau :

... Hết thấy chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay, chẳng lìa khỏi pháp tánh tam muội. Dầu khi mặc áo ăn cơm, nói chuyện, đối đãi, sáu căn thường hành, nhậm vận thi vi, thật là những diệu dụng của pháp tánh. Chẳng biết phản bốn hoàn nguyên, bèn thành ra theo danh chấp tướng, tình mê vọng khởi, tạo thấy thấy nghiệp. Nếu có thể biết được nhất niệm, rõ phàm tâm, chứng được thánh tâm, chuyển thế pháp đều nên Phật pháp.

Thấy cho được ‘hết thảy chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay chẳng lìa khỏi pháp tánh tam muội’, đó là cái thấy của Thiên, thiên định của Thiên, hạnh của Thiên và cũng là quả của Thiên. Thấy được như vậy, thọ trì được như vậy thì ‘thế nên Như Lai nói tất cả pháp đều là Phật pháp’.

\*\*\*

-

## 7. Hành Động: Từ Tự Do Đến Tự Do

Đạo Phật Việt Nam thường được cho là có tính cách nhập thế.

Nhập thế là một tính cách chung của Đại thừa, nhưng cũng tùy theo mỗi nước mà được vận dụng theo những tính cách khác nhau.

Ở nước ta, hạnh Bát Nhã thường được nhấn mạnh, như trong **Lục Độ Tập Kinh** (theo sự nghiên cứu của học giả **Lê Mạnh Thát** thì kinh này là cuốn kinh xưa nhất của Việt Nam) của **Khương Tăng Hội** ở thế kỷ thứ 3, nói về Sáu Độ, tức Sáu Ba la mật, tức là các hạnh do Trí Huệ Bát Nhã dẫn đường.

Chúng ta cũng thấy **kinh Kim Cương**, một kinh nói về Trí Huệ Bát Nhã thể hiện qua hành động (bố thí, nhẫn nhục,... độ sanh, trang nghiêm cõi Phật...) hoặc **kinh Pháp Hoa**, là những kinh được truyền vào rất sớm và được các Thiền sư chú trọng đặc biệt từ thời khởi đầu cho đến tận ngày nay.

Một điều đáng ghi nhận nữa là có một số ít những Thiền sư Việt Nam không phải là người xuất gia mà là cư sĩ như **Huệ Trung thượng sĩ**, **Trần Thái Tông**, **Lý Thánh Tông** (với phái **Thiền Thảo Đường**)...

Sau đây chúng ta đọc một bài thơ của vua **Trần Thánh Tông**, người đã cùng con là vua **Trần Nhân Tông** lãnh đạo hai cuộc chiến tranh chống quân Nguyên Mông.

Chúng ta cũng biết vua **Trần Nhân Tông** người lập ra phái **Thiền Trúc Lâm Yên Tử** mỗi khi niệm hương thuyết pháp đều nhắc đến tên hai vị thầy của mình là **Trần Thánh Tông** và **Huệ Trung thượng sĩ**.

Đó là bài thơ Tự Thuật :

Từ khi đề chỏm nhập rừng Thiền  
Đập ngói dùi rùa chẳng ngoại cầu  
Nhận được bản lai chân diện mục  
Đến đâu thì cũng thấy an nhiên.  
Suốt ngày nhàn gảy đàn không điệu  
Cửa nhàn không sự để quan tâm  
Trong đây khúc nhạc không ai biết  
Chỉ gió từng kia họa lại âm.  
Tung hoành chẳng lọt cơ không-có  
Muôn pháp bộn bề chẳng biết chi  
Đi ngủ, ăn cơm tùy chỗ dụng  
Chẳng còn việc khác đáng nên làm.  
Một búng tay phá tan muôn núi  
Công phu như thế cũng là nhàn  
Lạnh nóng đến đi không chỗ biết  
Chút gì từng can dự lão nhân.  
Trong đây không thiếu cũng không dư  
(Tướng) Phật cũng không, hề,  
(tướng) người cũng không  
Ngoài trời xa cảnh thu xa đến  
Núi xanh mây tỏa mặc vu vơ.

Nguyên Hán văn :

Tự tòng quán giốc nhập thiên lưu  
Đả ngỗ toàn quy một ngoại cầu  
Nhận đắc bản lai chân diện mục  
Đáo đầu hà xứ bất hưu hưu.  
Chung nhật nhàn đàn bất điệu cầm  
Nhàn môn vô sự khả quan tâm  
Cá trung khúc phá vô nhân hội  
Duy hữu tùng phong họa thử âm.  
Tung hoành bất đọa hữu vô cơ  
Vạn pháp phân phân tổng bất tri  
Khiết phạm đả miên tùy xứ dụng  
Cánh vô tha sự khả ưng vi.  
Nhật đàn chỉ phá vạn trùng sơn  
Giá cá công phu dã thị nhàn  
Hàn thử đáo lai vô sở thức  
Vị tăng phân thượng lão nhân can.  
Cá trung vô khiếm diệc vô dư  
Phật dã vô hề nhân dã vô  
Thu cảnh viễn lai thiên ngoại viễn  
Thanh sơn vân tỏa chủng đô lô.

Với một nhà vua trải qua ba cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông – lần thứ nhất dầu chưa chính thức tham dự nhưng **Trần Thánh Tông** cũng có trải qua, vì chỉ một năm sau chiến thắng Nguyên Mông lần thứ nhất, ông được chính thức truyền ngôi, năm 18 tuổi – vậy mà

trong một bài thơ tự thuật cuộc đời mình, người ta thấy những chữ ‘nhàn’, ‘vô sự’, ‘đàn không điệu’, ‘chẳng biết chi’, ‘không chỗ biết’...

Cái nhàn, cái vô sự ở đây là cái nhàn của tánh Không, của người đã thể nhập tánh Không.

‘Nhận được bản lai diện mục’ là chứng ngộ được tánh Không, cái mà **Lục tổ Huệ Năng** nói là ‘Xưa nay không một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần’.

Đây là sự giải thoát do thể nhập được tánh Không hay pháp tánh, ‘đến đâu thì cũng thấy an nhiên’.

Ngộ tánh Không, bắt đầu sống sống bằng trí vô sai biệt hay căn bản trí, không còn bị thức phân biệt thao túng, do đó mà ‘muôn pháp bộn bề chẳng biết chi’, ‘lạnh nóng đến đi không chỗ biết’. Cái tri, cái thức trong tổng bất tri và vô sở thức ở đây là cái biết sai biệt của thức.

**Sống trong căn bản trí hay trí vô sai biệt nghĩa là sống trong tánh Không hay pháp tánh.**

Sống trong đó thì các hình tướng không còn ảnh hưởng : ‘chút gì từng can dự lão nhân’. Chính từ một đời sống không còn hình tướng sai biệt (vô tướng) mà hành động thuần khiết phát khởi. Hành động thuần khiết hay thuần túy đó không nằm trong thế giới sai biệt, nghĩa là không

phân chia đây-kia, chủ thể-đôi tượng..., cho nên nó không tạo nghiệp.

Đó là hành động xảy ra trong tánh Không hay pháp tánh : trong cái toàn thể như là cái toàn thể. Còn nếu hành động trong cái phần tử, tức khắc phải xung đột với những phần tử khác, thì chắc chắn sẽ tạo nghiệp. Cái phần tử càng rõ ràng bao nhiêu, cá thể càng riêng tư bao nhiêu, sự tạo nghiệp càng sâu đậm bấy nhiêu.

Càng ở trong tánh Không bao nhiêu, nghĩa là càng thoát khỏi bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, – theo **kinh Kim Cương** – thì hành động càng ít tạo nghiệp bấy nhiêu.

Hành giả ấy thấy cảnh trước mắt thật xa, ‘cảnh thu xa đến’, vì hình tướng phân biệt đã chìm trong tánh Không, không còn ảnh hưởng làm cho tham sân si khởi lên. Đã thế ‘cảnh thu xa’ ấy, đến từ ‘ngoài trời xa’(4) nghĩa là từ cái Không rốt ráo, như thế thế gian này chẳng còn bóng dáng vết tích nghiệp nào nữa : ‘núi xanh mây tỏa mặc vu vơ’.

\* \* \*

Hành động trong tiếng Sanskrit là **karma**, chữ **karma** này được dịch là nghiệp.



Hành động tức là nghiệp, vì hành động là tạo ra một nhân nào đó, và có nhân thì có quả.

Đó là tiến trình nghiệp báo. Như vậy có thể nào hành động mà không tạo nghiệp, hành động mà không hành động, hành động mà vẫn giải thoát ?

Trong Phật giáo, hệ thống Bát Nhã có thể trả lời cho vấn nạn này.

“Cư sĩ **Thông Thiên** (?-1228), đời thứ 13 dòng **Vô Ngôn Thông** thờ **Thiền sư Thường Chiếu** chùa Lục Tổ làm thầy.

Một hôm Sư vào thất, thưa hỏi rằng : Làm thế nào để hiểu Phật pháp ?

**Thường Chiếu** đáp : Phật pháp thì không thể biết hiểu. Ở đây đâu có pháp biết. Chư Phật như vậy, tu tất cả pháp bất khả đắc.

Sư ngay câu nói này lãnh ngộ yếu chỉ.

Sư trở về làng cũ, học giả theo học rất đông. Phàm có ai hỏi đều dùng tâm ấn tâm.

Có người hỏi : Thế nào là người xuất thế ?

Sư đáp : Chẳng nghe người xưa nói, ‘Chỉ xem thấy (quán) năm uẩn đều Không, bốn đại vô ngã, chân tâm không tướng, không đi không đến. Khi sanh tánh chẳng đến, khi tử tánh chẳng đi, trong treo tròn lặng, tâm cảnh nhất như.’ Chỉ cần trực nhận hiểu ngay như thế thì không bị ba đời ràng buộc. Đó là người xuất thế, quyết chẳng có được chút gì để hướng tới.

Lại hỏi : Thế nào là nghĩa vô sanh ?

Sư đáp : Phân biệt thấy rõ các uẩn này, tánh của chúng vốn không tịch. Không, nên không thể diệt, đây là nghĩa vô sanh.

Lại hỏi : Thế nào là lý vô sanh ?

Sư đáp : Do việc điều hành các uẩn mới hiển hiện tánh Không. Tánh Không không thể diệt, đây là lý vô sanh.

Tăng hỏi : Thế nào là Phật ?

Sư đáp : Bản tâm là Phật, thế nên Đường Tam Tạng Huyền Trang nói : ‘Chỉ rõ suốt tâm địa nên hiệu là Tổng Trì, ngộ pháp vô sanh gọi là Diệu Giác’.”

Nghiệp hay hành động, là hành động của năm uẩn. Khi ‘thấy (quán) chúng đều Không, bốn đại vô ngã, khi (năm uẩn) sanh, tánh chẳng đến, khi (năm uẩn) tử, tánh chẳng đi, trong treo tròn lặng, tâm cảnh nhất như ; chỉ cần trực nhận hiểu ngay như thế thì không bị ba đời ràng buộc. Đó là người xuất thế, quyết chẳng có được chút gì để hướng tới’ : đây là sự giải thoát của việc trực nhận tánh Không, dù các uẩn vẫn đang hoạt động. ‘Phân biệt thấy rõ các uẩn này, tánh của chúng vốn không tịch’ : điều quan trọng nhất là các uẩn vẫn hoạt động, nhưng thấy rõ chúng là vô sanh.

Hơn nữa, chính trong hoạt động, chính ‘do việc điều hành các uẩn, mới hiển hiện tánh Không’.

Các uẩn có hoạt động nhưng vẫn là vô sanh, ‘tánh của chúng vốn không tịch’. Đây là điều **kinh Kim Cương** đã chỉ rõ :

“Nếu có người nói rằng : Như Lai có đến có đi, hoặc ngồi hoặc nằm, người ấy không hiểu nghĩa ta nói. Bởi vì sao ? Vì Như Lai không từ đâu đến cũng không đi đâu, nên gọi là Như Lai.”

“Nếu lấy sắc thấy ta  
Lấy âm thanh cầu ta  
Người ấy hành tà đạo  
Chẳng thấy được Như Lai.”

“Đối với Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ta trong ấy không một chút pháp gì có thể được, đó gọi là Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.”

“Các ông chớ nói Như Lai nghĩ rằng : Ta độ chúng sanh. Chớ có nghĩ vậy. Tại sao vậy ? Thật không có chúng sanh cho Như Lai độ.”

.....

Và kinh kết luận :

“Người phát tâm Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đối với tất cả pháp nên biết như thế, thấy như thế, tin hiểu như thế, chẳng sanh pháp tướng.”

Như vậy sống trong cái tánh mà ‘khi sanh chẳng đến, khi tử chẳng đi, trong trẻo tròn lặng, tâm cảnh nhất như’, sống trong ‘tánh Không không thể diệt’, nghĩa là trong ‘chân tâm vô tướng’, trong ‘bản tâm là Phật’ thì giải quyết được vấn đề hành động, vấn đề nghiệp :

Biên cả ngại gì bọt nước xao  
(Huệ Trung thượng sĩ)

Không những thế, khi thoát khỏi bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, mọi hành động bèn trở thành Phật sự :

“Tất cả pháp đều là Phật pháp.”  
(Kinh Kim Cương)

Đó mà điều gọi là ‘xưng tánh tác Phật sự’. Chúng ta thấy rằng chính nhờ trí huệ thấu suốt tánh Không, tức là Bát Nhã, này mà người ta có thể kết hợp được hai sự tích tập : tích tập công đức và tích tập trí huệ. Hai sự tích tập này là công việc của một người tu hành Bồ tát đạo để đến quả vị Phật. Tích tập công đức kết hợp với tích tập trí huệ là làm mọi điều công đức mà không làm gì cả, không có cố gắng, nỗ lực ; không làm gì cả mà không có việc thiện nào không làm. Như vậy nghiệp

thiện làm công đức luôn luôn tạo mà không tạo tác gì cả, không tạo nghiệp nào cả, dù là nghiệp thiện.

Nói cách khác, đó là hành động mà vẫn giải thoát, vì hành động trong tánh Không.

Thiền sư **Hương Hải** nói :

“Thế nên, ngộ tịch thì không có tịch, cái biết chân chánh (chân tri) thì không có biết. Vì biết (tri) và tịch là một tâm không hai, khế hợp với diệu lý không và hữu dung thông. Không trụ không trước, chẳng nhiếp chẳng thu, phải trái đều quên, năng sở đều dứt. Sự dứt này cũng tịch lặng thì Bát Nhã hiện tiền, mỗi tâm là Phật, không tâm nào chẳng phải là tâm Phật, chón chón thành đạo, không một mây trần nào chẳng phải là nước Phật.

Bởi thế, chân với vọng, vật với ta, nêu một mà thấu hết. Tâm, Phật, chúng sanh đều cùng một tánh.

Thế nên biết, mê thì người theo pháp (hiện tượng), pháp pháp muôn sai khác nên người người chẳng đồng. Còn ngộ thì pháp theo người, người người đồng một trí mà dung thông muôn cảnh. Lời nói hết, tư tưởng dứt thì quả nào nhân nào nữa ? Thế vốn vắng lặng thì ai giống ai khác. Chỉ còn một cái rỗng sáng, không nhớ nghĩ, chan hòa khắp suốt. Giống như tấm gương vô tâm, bóng

có thể thấy trong đó như trăng trong nước, hoa trong không, chiếu sáng mà thường không vậy.”

Chỉ ở trong ‘bản lai diện mục’ ấy, người ta mới có thể giải quyết được vấn đề hành động, nghĩa là hành động mà vẫn giải thoát. Hành động chính là tự do :

Tung hoành chẳng lọt cơ không-có  
Muôn pháp bộn bề chẳng biết chi  
Đi ngủ ăn cơm tùy chỗ dụng  
Chẳng còn việc khác đáng nên làm.

Hành động chính là tự do, nó khởi đầu trong tánh Không và chấm dứt trong tánh Không. Bởi thế nó không lìa rời khỏi thực tại toàn thể, mà thực tại toàn thể thì ‘không sanh, không diệt, không dơ, không sạch, không tăng, không giảm’.

Nói theo ngôn ngữ đời thường, đó là hành động không lưu lại dấu vết, hành động từ tự do đến tự do.

Như vậy, hành động, nghiệp, chính là **không hành động, không nghiệp** (chữ Không Hành Động, Không Nghiệp này cần phải viết hoa).

\* \* \*

Trước khi làm một cái gì, người ta phải là một cái gì. Nhưng người chứng ngộ tánh Không thì chẳng là cái gì cả : ‘Ta chẳng phải là Phật, chẳng phải chúng sanh’ (Ngã bất thị Phật, bất thị hàm linh – Thiên sư **Ngộ Ấn**). Đã không là cái gì cả thì đâu có thể làm một cái gì :

Tung hoành chẳng lọt cơ không-có.

Hành động mà lọt vào có, mỗi mỗi chấp tướng đảo điên thì tạo ra nghiệp trôi lăn mãi trong khổ đau sanh tử. Hành động mà lọt vào không thì hoặc là sự chấp không của phàm phu không tin nhân quả, càng làm càng sa xuống theo nghiệp, bởi vì nhân quả có trừ ai, người tin hay không tin.

Hoặc là sự lọt vào cái Không cao cả của bậc thánh trong lặng trong chỗ không hành động, không tạo tác, chỉ trụ trong sự giải thoát bất động của mình.

Chỉ có người vượt ra ngoài cả có và không, không lọt vào cơ có không, mới có thể không ô nhiễm mà hành động, hành động thuần khiết, vừa lợi được mình vừa lợi được người, mà thật ra chẳng lợi cho ai cả, vì “tất cả pháp đều là Phật pháp”.



Nói đến hành động của người xuất gia, có lẽ trong Phật giáo Việt Nam thì Thiền sư **Vạn Hạnh** là tiêu biểu, vì ngài là người có công lập ra triều Lý tạo nền tảng cho triều Trần tiếp theo là hai triều đại vẻ vang của dân tộc và Phật giáo.

Một con người hành động như vậy đã sống trong hạnh Bát Nhã như vậy :

“Đến ngày 15 tháng 5 năm Thuận Thiên thứ 16 (1025), sư không bệnh, nói bài kệ :

*Thân như bóng chớp có rồi không  
Cây cỏ xuân tươi thu lại khô  
Mặc cuộc thịnh suy chi sợ hãi  
Thịnh suy đâu cỏ buổi sương phôi.*

Rồi sư dạy đệ tử rằng : ‘Các con muốn ta đi đâu ? Ta không lấy chỗ trụ để trụ, cũng không nương vào chỗ không trụ để trụ’.”

**Hành động của một bậc giải thoát là hành động ngay trong lòng thực tại, trong chính pháp tánh, bản tánh của tất cả các pháp.**

Thiền sư **Hương Hải**, một cuộc đời sống qua hai quãng đời một ở miền nam với chúa Nguyễn và lớn tuổi lại ra miền bắc với chúa Trịnh trong thời đất nước phân đôi, một cuộc đời hẳn là trải qua nhiều biến cố lịch sử, khi vua **Lê Bảo Thái** hỏi ý nghĩa Phật pháp là thế nào, sư đã đáp rằng :

Nhận qua trời không  
Bóng chìm nước lạnh  
Nhận không có ý để dấu  
Nước không có tâm giữ hình.

Cuộc đời của những người giải thoát thì sống đúng theo thực tại, bởi thế dầu người đời – lọt vào cơ có – cho là họ đã viết nên một phần lịch sử bằng chính cuộc đời họ, thì với các vị ấy, đúng như sự thật, có lẽ họ chỉ chấp nhận ngay từ đầu rằng họ đã viết nên đời họ trên mặt nước.

\*\*\*

## 8. Nền Tảng Của Đời Sống

Đối với Đại thừa nói chung và Thiên nói riêng, dầu người ta có là gì và cuộc đời này có ra sao, và dầu người ta có biết hay không, thì tất cả đều đang sống, đang xảy ra trên nền tảng Như Lai tạng hay Phật tánh, hay pháp giới tánh, hay tự tánh...

Nền tảng của đời sống là tánh hay ‘tánh sáng’, hay ‘lòng’, ‘tướng thực’ nói theo ngôn ngữ của vua Trần Nhân Tông (1258-1308) trong *Cư Trần Lạc Đạo phú* :

Biết vậy !  
Miễn được lòng rồi  
Chẳng còn phép khác  
Gìn tánh sáng tình mới hầu an  
Nén niềm vọng, niềm dưng chẳng khác  
Dứt trừ nhân ngã thì ra tướng thực kim cương ;  
Dừng hết tham sân mới lầu lòng màu viên giác  
Tịnh độ là lòng trong sạch, chớ còn ngờ hỏi đến Tây  
phương  
Di Đà là tính sáng soi, mượn phải nhọc tìm về Cực Lạc.

.....

Chỉn Bụt là lòng, xá ướm hỏi đời cơ Mã Tổ  
Vong tài đối sắc, ắt tìm cho phải thói Bàn công.

.....

Vậy mới hay !  
Bụt ở cong (trong) nhà

Chẳng phải tìm xa  
Nhân khuấy bản nên ta tìm Bụt  
Đến cốc hay chửn Bụt là ta.

.....

Chuộng công danh, lòng nhân ngã thực ấy phạm ngu  
Say đạo đức đời (sửa) thân tâm, định nên thánh trí  
Mày ngang mũi dọc, tướng tuy lạ, xem ắt bằng nhau  
Mặt thánh lòng phạm thực cách nhân vãn vãn thiên  
lý...

**Nói Phật tánh hay Như Lai tạng mỗi người đều sẵn  
có là cái Nền tảng, vì nó bình đẳng nơi tất cả chúng  
sinh, bình đẳng trong mọi thời gian và mọi không  
gian.**

Sự khác biệt về hình tướng và cả về mặt tâm linh (bởi  
vì dù ở cấp độ tâm linh nào thì cũng chỉ là một trạng  
thái của cái Tâm ấy) chỉ là sai khác do nghiệp : ‘mày  
ngang mũi dọc tướng tuy lạ, xem ắt bằng nhau, mặt  
thánh lòng phạm thực cách nhân vãn vãn thiên lý’. Nền  
tảng đó cũng là cái mà người xưa nói là ‘đồng thể đại  
bi’, lòng từ bi không do cố gắng quán tưởng, không do  
kiến lập tạo tác của nghiệp lành của từng người, mà là  
lòng bi của tận cội nguồn của con người và thế giới.

Thiền sư **Chân Nguyên** nói về Nền tảng ấy bằng từ hoa  
sen, minh châu... trong *Thiền Tông Bản Hạnh* :

Trần trần sát sát Như Lai  
Chúng sanh mỗi người mỗi có hoa sen  
Hoa là bản tánh tự nhiên  
Bao hàm thiên địa phương viên cùng bằng.

.....

Ai ai đạt giả đồng đồ (đường)  
Mỗi người mỗi có minh châu trong nhà  
Mùa xuân vạn thụ khai hoa  
Cành cao cành thấp vậy hòa chứng nên

.....

Nhân duyên có trước có sau  
Ai ai cũng có tánh thân Bồ đề  
Hay ăn hay nói khác chi  
Mày ngang mũi dọc xem thì bằng nhau.

Theo truyền thống, người Phật tử Việt Nam không quan niệm từ bi là cái mới có, cái từ ngoài vào, mà từ bi đã nằm trong Nền tảng, trong Lòng, từ bi chính là Nền tảng, là Lòng.

Chính Nền tảng này nâng đỡ cứu mang chúng sanh, gọi là Đại Bi.

Trong *Văn Tế Thập Loại Chúng Sanh*, Nguyễn Du sau khi mở đầu bằng những câu như :

Tiết tháng bảy mưa dầm sùi sụt  
Toát hơi may lạnh buốt sương khô

.....

Thương thay thập loại chúng sanh  
Hồn đơn phách chiếc lênh đênh quê người

.....

Còn chi ai quý ai hèn  
Còn chi mà nói ai hiền ai ngu

.....

Mỗi người một nghiệp khác nhau  
Hồn xiêu phách lạc biết đâu bây giờ ?

Ông đã kết luận sự giải thoát cho chúng sanh chính là  
Tâm Phật vốn có sẵn trong mỗi người :

Kiếp phù sinh như hình bào ảnh  
Có chỗ rỗng : vạn cảnh giai không  
Ai ai lấy Phật làm lòng  
Tự nhiên siêu thoát khỏi trong luân hồi.

Trong *Thập Giới Cô Hồn Quốc Ngữ Văn* của Lê  
**Thánh Tông** cũng lấy lòng thanh tịnh làm nền tảng :

Khó với sang mặt ý khác nhau  
Đói cùng rách thì lòng cũng vậy

.....  
Kinh Pháp Hoa giảng đã, mưa nhóc nhóc đượm áo nột  
đầm đầm,  
Phiến Bối điệp tụng thôi, gió hiu hiu quét lòng trần  
thảy thảy.

Cũng lòng này mà đi sâu vào bản tánh của nó, thì lòng  
ấy là Phật. Trí Huệ và Từ Bi vốn nằm trong Như Lai  
tạng, trong Phật tánh. Trí Huệ và Từ Bi chính là hai  
phương diện của Phật tánh. Như Lai tạng hay Phật tánh  
là nền tảng của tất cả đời sống, do đó Trí Huệ và Từ Bi  
là nền tảng của tất cả đời sống.

Khi tin rằng tất cả chúng ta đang sống trong nền tảng,  
nghĩa là trong Trí Huệ và Từ Bi, chúng ta bắt đầu là một  
Phật tử. Và thực sự sống được trong (hay trên) Nền  
tảng, thực sự sống được trong Trí Huệ và Từ Bi, đây là  
chủ đề cô đọng của kinh Pháp Hoa, một bộ kinh được  
truyền vào rất sớm và ảnh hưởng suốt dòng lịch sử Phật  
giáo Việt Nam.

**Sống trong Trí Huệ và Từ Bi vốn sẵn nơi mỗi người,  
đó cũng chính là lý do tồn tại của Thiên.**

\* \* \*

Chính trên đất thật ấy mà chúng ta đang sống :

“Dù trai dù gái đều đáng nên tu, hoặc trí hoặc ngu thầy đều có phần. Như chưa thấu tâm Phật ý Tổ, trước hãy nên trì giới tụng kinh. Đến lúc trong huyễn sắc cũng là chân sắc, nơi phàm thân cũng thật Pháp thân, phá sáu giặc làm sáu thân thông, chuyên tám khổ thành tám tự tại...” (*Phổ Thuyết Sắc Thân*).

“Chỗ nói, gió lùa thông réo, chỗ im trăng rọi đậm trong. Khi đi mây cuốn nước trôi, khi đứng núi im non tĩnh. Lời lời là câu cứu sống của Thích Ca, câu câu là gia phong của Đạt Ma. Buông ra thì tám chữ mở tung, nắm lại thì một cửa đóng kín. Trong hang quý (chỗ tối tăm của vô thức) là lâu đài Di Lạc, chốn Hắc sơn chẳng khác cảnh giới Phổ Hiền. Chốn chốn là tạng đại quang minh, cơ cơ là pháp môn bất nhị. Cho dù tối đi sáng đến, ngại gì mây phủ trăng che. Ngọc sáng trên tay, xanh ánh xanh, vàng ánh vàng ; gương cổ đang trên đài, Hồ đến hiện Hồ, Hán đến hiện Hán. Ngại gì huyễn thể, trọn đều Pháp thân. Chẳng nhọc trên đỉnh phóng quang, vốn đủ sáu thông thân dụng. Đạp đổ cung điện ma vương, mở toang tâm can ngoại đạo. Biến trái đất thành cõi nước vàng ròng, thừa thọ sông dài làm đê hồ cho cả trời người. Trong lỗ mũi pháp luân thường chuyển, dưới lông mày cõi báu hiện tiền... Rờ rở hoa vàng, không có cái gì chẳng phải là tâm bát nhã, xanh xanh trúc biếc, thấy trọn là lý chân như. Vạch cỏ ra, hiện rõ bản lai diện



mục ; cuộc bầy đất, đoạn dứt đường sanh tử quanh co...” (*Phổ Thuyết Hương Thượng Nhất Lộ*).

Đất thật ấy là cái nền tảng trên đó mọi sự vật đều vốn tự viên thành. Đó là cái trong Thiền gọi là ‘đương xứ tiện thị’ :

Bản lai thanh tịnh Pháp thân  
Viên dung pháp giới đâu gần đâu xa

.....

Huệ Trung trở bảo liền tay  
Tức tâm là Phật xưa nay Bụt truyền  
Tâm là bản thể căn nguyên  
Tâm là nhất tự pháp môn thượng thừa  
Tâm bao bọc hết thái hư  
Tâm năng ứng dụng tùy cơ trong ngoài  
Tâm hiện con mắt lỗ tai  
Hay ăn hay nói mọi tài khôn ngoan  
Tâm năng biến hóa chư ban  
Vạn pháp cụ túc lại hoàn như như...  
(*Thiền Tông Bản Hạnh*)

Cho nên, Thiền là thấy được, nhận biết được và xác quyết Nền tảng ấy, và sống trọn vẹn với nó trong mọi lãnh vực của thân tâm, tức là mọi lãnh vực của đời sống. Thấy và sống Nền tảng Chân Như này là cách giải quyết

tận gốc mọi vấn nạn của cuộc đời. Người ta tự chuyển hóa mình trở nên hòa bình, vì nhận biết được cái Thấy nền tảng : hòa bình với những người khác và những thế giới, vì tất cả đều là Chính Mình.

Đây là cách chuyển hóa thức thành Trí của Thiên : bằng cách thấy và sống cái nền tảng người ta chuyển hóa tất cả thành cái nền tảng, trở lại thành cái nền tảng.

Nói cách khác, chuyển thức thành Trí là chuyển hóa sanh tử thành Niết bàn.

Khi đặt tất cả tướng vào trong bản tánh nền tảng của chính chúng, các tướng sẽ trở lại thành thật tướng, tức là tất cả tướng đều trở thành tánh. Như khi tất cả bóng trong gương được nhận chân là chúng ở trong gương, thì tất cả đều là gương ; tất cả sóng được nhận biết là bản tánh nước, thì tất cả sóng đều là nước. Toàn tướng tức tánh, toàn bóng là gương, tất cả sóng đều là nước, đây là những thí dụ thường thấy để diễn tả kinh nghiệm tu chứng của Đại thừa.

Như vậy đây là con đường tích cực mà những kinh Đại thừa nói đến, và chính đây là yếu tố làm nên tính cách tích cực, hay như người ta thường nói, “tính cách nhập thế” của Phật giáo Việt Nam.

\* \* \*

Cái Thấy, Tri Kiến của Thiên là chúng ta đâu có làm gì thì vẫn luôn luôn hít thở, sinh hoạt trong (hoặc trên) Nền tảng ấy. Chúng ta thấy các Thiên sư thường hay nói từ “trong ấy” (cá trung)

Cá trung mãn mục lộ thiên tâm.  
(Trong đây đây mắt lộ thiên tâm.)

Hoặc trong bài thơ *Tự Thuật* của **Trần Thánh Tông**, gồm chỉ năm đoạn, mà đã có hai đoạn nói đến chữ ‘trong ấy’ (cá trung) : Cá trung khúc phá vô nhân hội (trong đây khúc nhạc không ai biết) và Cá trung vô khiếm diệc vô dư (trong đây không thiếu cũng không dư).

Như vậy theo cái Thấy, hoặc nói theo ngôn ngữ bình thường, theo “quan điểm” của Thiên thì tất cả mọi sự tu hành của chúng ta, dù chúng ta có tu kiểu gì, pháp gì, cũng đều xảy ra ở ‘trong ấy’, tức là trong nền tảng, trong Phật tánh vốn đã giác ngộ của chúng ta.

Chúng ta thường nghe nói Phật giáo Việt Nam là sự hợp dòng của Thiên, Tịnh, Mật.

Với các Thiên sư dù có trì tụng Mật chú (Mật tông) hay có niệm Phật (Tịnh Độ tông) thì các ngài vẫn làm việc ấy trên cái nền tảng “bổn lai thành Phật” này.

Thí dụ có vị trì tụng mật chú (trong lịch sử Phật giáo Việt Nam có khá nhiều trường hợp này, nhất là trong dòng **Tỳ Ni Đa Lưu Chi**) thì trì tụng mật chú có nghĩa là dùng khẩu của mình tụng chú để tương ứng với Khẩu của Phật (tức là mật chú, lời bí mật và giác ngộ của bậc Giác ngộ).

Và việc dùng khẩu để trì tụng mật chú của Phật này xảy ra trên nền tảng ‘ở tâm là Thiên’, và tâm Thiên này là tâm vốn đã giác ngộ, Phật Tâm.

Thiên sư **Ngộ Ấn** (1019-1083) khi có người hỏi, “Thế nào là Phật, thế nào là Pháp, thế nào là Thiên?”, đã nói : “Pháp Vương vô thượng (Phật tánh) ở thân là Phật, ở miệng là Pháp, ở tâm là Thiên. Tuy là ba nhưng kỳ thật là một. Ví như nước của ba con sông, tùy chỗ đặt tên, tên gọi là khác nhưng tánh nước không khác.” Nói thế nghĩa là dù miệng có trì chú hay niệm Phật, thì hành động đó không lìa ngoài tâm Thiên hay tâm Phật.

Sâu xa hơn, cũng cùng một nền tảng Phật tánh ấy mà ứng ra hình tướng, oai nghi là thân Phật, ứng ra nơi

miệng thì thành trì chú, niệm Phật, và ở nơi tâm thì gọi là Thiên (hay tâm giác ngộ).

Như vậy sự tu hành theo Thiên tông không lìa ngoài Phật tánh, tu hành là sự ‘ứng hiện’, sự biểu lộ của Phật tánh nên tảng vốn có ở nơi mỗi người.

Và đó cũng là lý do Thiên không ngăn ngại với bất kỳ tông phái nào, trái lại dung nhiếp được những đặc sắc của các tông khác vào trong Tâm Thiên (hay Phật tánh) của mình.

\* \* \*

Thiền sư ni **Diệu Nhân** (1042-1113) giữ giới, hành thiền, được chánh định (samadhi), là bậc tôn túc trong hàng ni chúng. Có ai đến học đều đem Đại thừa giảng dạy mà nói :

‘Chỉ trở về nguồn tự tánh, đốn tiệm tùy đó mà vào. Hãy thường tịch lặng, tránh xa thanh sắc, ngôn ngữ.’

Có học giả hỏi : ‘Tất cả chúng sanh bệnh nên ta bệnh’, tại sao lại tránh sắc thanh ?

Sư theo kinh giáo, đáp :

Nếu lấy sắc thấy ta  
Lấy âm thanh tìm ta  
Người ấy hành đạo tà  
Không thể thấy Như Lai.

Lại hỏi : Ngồi yên tĩnh tọa để làm gì ? (Hà vi yên tọa ?)

Sư đáp : Xưa nay không đi. (Bôn lai vô khứ.)

Lại hỏi : Làm sao không nói ? (Hà vi bất ngôn ?)

Sư đáp : Đạo vốn không lời. (Đạo bản vô ngôn.)

Chúng ta có thể thấy, sự việc ngồi tĩnh tọa của Thiền là ngồi thiền trên cái ‘bôn lai không đi’ này, và nói năng thuyết pháp của Thiền là nói năng trên cái nền tảng ‘đạo vốn không lời’ này.

Mục đích của Thiền là **‘chỉ trở về nguồn tự tánh, đốn tiệm tùy đó mà nhập’**.

Như vậy tất cả mọi pháp tu của Thiên đều là chẳng lìa khỏi tự tánh, hay Phật tánh, hay pháp tánh.

Nói theo ngôn ngữ của triết học Viên Đông, mọi pháp môn, mọi phương pháp thực hành là cái Dụng của cái Thể Phật tánh.

Dụng từ Thể mà có và chẳng hề lìa Thể, thế nghĩa là mọi pháp môn đều lưu xuất từ tự tánh hay Phật tánh và không hề lìa khỏi tự tánh hay Phật tánh này.

Như thế, một phương pháp hay phương tiện không phải là để đạt đến cứu cánh hay Quả ở ngoài nó, mà ngay trong phương pháp hay phương tiện đã có cứu cánh hay Quả.

Trong cái nhìn như vậy, tất cả mọi dòng sông hay phương pháp không chỉ chảy về đại dương hay Phật tánh, mà còn hơn thế nữa, chính những dòng sông này có nền tảng là đại dương, lưu xuất từ đại dương, có cùng một nước với đại dương.

Những dòng sông này sở dĩ có là vì có đại dương, chúng không hề tách lìa với đại dương và như vậy thể nghiệm nước trong sông cũng là thể nghiệm nước của đại dương.

Nói tóm lại, theo Thiên, không có một phương pháp nào là đứng riêng lẻ và giả tạo, mà phương pháp nào cũng ở trong Phật tánh và từ Phật tánh mà lưu xuất.

**Mọi phương pháp đều dung thông nhau trong một vị Phật tánh. Phương pháp là phương pháp của Phật tánh, và Phật tánh hiển bày trong phương pháp.**

Thế nên, dù chúng ta thực hành phương pháp gì, tu pháp môn nào, những cái này đều xảy ra trong Phật tánh và có nền tảng, một vị là Phật tánh.

Nhận biết được điều này là căn bản của tu hành, và tất cả các pháp môn không chống trái nhau mà dung thông nhau trong nền tảng, trong một vị Phật tánh.

Tu hành có căn bản như vậy, nói theo Thiền, là tu hành có trí huệ, hay nói theo hệ thống Bát Nhã ba la mật là tất cả năm ba la mật trước hoặc các hạnh nào khác phải lấy Trí Huệ ba la mật làm hướng đạo, bởi thế Trí Huệ ba la mật được gọi là Mẹ của các bậc giác ngộ.

\* \* \*

Nếu cho Thiền là một nghệ thuật, thì đó là nghệ thuật “rót” trên đất thật này.

Nhận biết được cuộc đời chúng ta đang xảy ra, diễn tiến trong Cái Đó, trong ‘tánh sáng’ đó thì mọi sự đều là Cái Đó : thấy nghe hay biết chỉ là thấy nghe hay biết Cái



Đó, tu hành là tu hành Cái Đó, ngồi thiền là ngồi thiền với tất cả thân tâm là Cái Đó... Mắt tai mũi lưỡi thân ý, sắc thanh hương vị xúc pháp v.v... cái gì mà chẳng phải là Trí Huệ và Từ Bi ?

Bất cứ cái gì sanh khởi hãy nhìn cho ra khuôn mặt thật của nó. Bởi vì cái gì cũng sanh khởi từ nền tảng, hiện diện trong nền tảng, biến mất trong nền tảng, nên nó chính là nền tảng.

Như thế bất cứ cái gì cũng là sự bí mật của công án, cũng là tham thiền. Đời sống không lúc nào không là sự biểu lộ của Cái Đó.

Cho nên đời sống là đạo tràng. Không còn một hạnh nào là riêng rẽ mà tất cả hạnh đều lưu xuất từ cội nguồn Trí Huệ và Từ Bi, nghĩa là một hạnh pháp tánh, dù một cử chỉ hành vi nhỏ nhất nhất.

Sống trong nền tảng, chúng ta không còn cảm thấy lạc lõng, thiếu thốn như đứa con nghèo cùng tha phương không biết quê nhà trong **kinh Pháp Hoa**.

Sự lưu lạc không biết mình là ai, sống để làm gì này là chân lý thứ nhất Khổ đế, và không chỉ khổ cho chính mình, mà từ sự lưu lạc khổ đau này chúng ta đã gây ra biết bao khổ đau cho con người và thế giới.

Người ta sẽ chấm dứt sự lưu lạc khổ đau này bằng cách nhận ra và sống với Nền tảng đó.

Sự khổ đau lang thang này đã có từ khi thấy mình là một cá thể tách biệt với con người và thế giới còn lại. Người ta biết đời sống cá nhân và xã hội không phải là một “cơ” ra đi, phân tán, mà là một cuộc trở về trong hợp nhất : ‘chỉ trở về nguồn tự tánh, đôn tiệm từ đó mà vào’.

Vì từ vô thủy đến nay, người ta đâu đã từng lìa quê nhà :

Ngoài đại thiên sa cõi  
Chôn nào chẳng quê nhà.  
(Thiền sư **Thường Chiếu**)

\*\*\*

## 9. Con Đường Của Sự Rõ Tâm

Muốn rõ biết thực tại là cái thật tướng của con người và thế giới thì phải tìm nơi chính mình.

Ở nơi con người, thực tại đó là Tâm :

“Bản tâm là Phật, thế nên Đường Tam Tạng Huyền Trang nói : Chỉ hiểu rõ tâm địa nên hiệu là Tổng Trì, ngộ pháp vô sanh, gọi là Diệu Giác”. (Thông Thiên Đại sĩ)

Hoặc Huệ Trung thượng sĩ nói :

Tâm tức Phật  
Phật tức Tâm

.....

Tâm của muôn pháp là Phật tâm  
Phật tâm cùng với tâm ta hiệp  
Pháp vốn như nhiên suốt cổ kim.

Con đường của Thiền là con đường làm rõ tâm : ‘Rõ tâm (liễu tâm) mà tu hành thì ít sức mà dễ thành, không rõ tâm mà tu hành thì phí công vô ích’ (Thiền sư **Thường Chiếu**). **Trần Thái Tông** (thế kỷ 13) nói đến biện tâm (rõ tâm).

Và Thiền sư **Hương Hải** nói : ‘Đó thực là tông chỉ cùng tâm (thấu đến tâm), nghĩa lý đạt thức vậy.’

Mặc dù các Thiền sư trong những ngữ lục để lại, ít nói đến trình tự của con đường này, hoặc là nói đến nhưng không có hệ thống rõ ràng, chắc hẳn là sự chỉ dạy, hướng dẫn là dành riêng cho từng cá nhân hay những nhóm người mà chủ yếu lấy kinh nghiệm ngộ và nhập làm đầu, nghĩa là những kinh nghiệm vượt khỏi những chuẩn bị, những công phu của con đường, nhưng ở đây chúng ta cũng nghiên cứu xem con đường làm rõ tâm là như thế nào.

Công việc này chúng ta có thể nương dựa vào những kinh điển mà các Thiền sư thường lấy chúng để quy chiếu như kinh **Lãng Nghiêm, Viên Giác, Lăng Già...** và những bộ luận như **Đại Thừa Khởi Tín**, các bộ luận **Duy Thức...** nghĩa là con đường tổng quát của Đại thừa.

Ở đây trong mức độ giới hạn của ý thức, sự nghiên cứu của chúng ta chỉ có tính cách tham khảo để nhìn ra một đường hướng tổng quát trong việc rõ tâm, nó không phải là một đường lối chính thức – hoặc quan niệm sai lầm hơn là duy nhất.

Bởi vì Thiền là một kinh nghiệm tâm linh được trao truyền từ thầy qua trò, và mặc dù đó là một kinh nghiệm phổ quát cho tất cả Phật giáo, sự học hiểu kinh nghiệm phổ quát ấy là riêng biệt tùy thuộc vào cơ cấu tâm sinh

lý của học trò, vào cách dạy và lãnh ngộ giữa thầy và trò.

Sự rõ tâm có thể có ba giai đoạn như sau :

1. Sự phân biệt giữa vọng tâm và chân tâm, hay giữa thức và trí

Theo Đại thừa, muốn đạt đến giải thoát và giác ngộ phải lìa bỏ vọng tâm hay tâm sanh diệt hay thức phân biệt (là cái đã tạo ra cơ cấu ngã-pháp sanh tử) để đi vào chân tâm hay tâm không sanh diệt hay trí không phân biệt. Nếu y vào tâm sanh diệt mà tu thì kết quả chỉ là sanh diệt như **kinh Lăng Nghiêm** nói muốn nấu cát thành cơm.

Theo **kinh Lăng Già**, thức là cái động, trí là cái không động ; nếu y theo thức để tu thì kết quả vẫn nằm trong sự chuyển động, nghĩa là lãnh vực sanh diệt, sanh tử.

Như vậy giai đoạn đầu tiên và căn bản của sự biện tâm (chữ biện ngoài nghĩa “rõ”, còn có nghĩa “biện biệt”) là phân biệt, tách lìa và từ bỏ vọng tâm, tâm sanh diệt, hay thức phân biệt, hoặc nói cách khác đó là sự tách lìa chân tâm khỏi vọng tâm, tâm không sanh diệt khỏi tâm sanh

diệt... Đây là quá trình tách lìa Niết bàn khỏi sanh tử, lìa niệm để chứng đắc cái vô niệm.

Mục đích chung là thế, nhưng dĩ nhiên có rất nhiều con đường để đạt đến đó.

Thiền sư **Hương Hải** nói :

“Muôn tìm thấy Phật (tâm không sanh diệt, trí – ở đây những chữ trong ngoặc do chúng tôi thêm vào như những giải thích thô thiên cho dễ hiểu), thì chỉ cần biết chúng sanh (tâm sanh diệt, thức). Chỉ vì chúng sanh mê làm Phật, chứ không phải Phật mê làm chúng sanh. Trong tự tánh mà ngộ thì chúng sanh là Phật. Trong tự tánh mà mê (không biết) thì Phật là chúng sanh. Trong tự tánh mà bình đẳng thì chúng sanh là Phật. Trong tự tánh mà tà vạy thì Phật là chúng sanh. Tâm ta tự có Phật. Tự Phật là chân Phật. Thế nên kinh nói, “tâm sanh thì thấy thấy pháp sanh, tâm diệt thì thấy thấy pháp diệt”. Phạm phu tức là Phật, phiền não tức Bồ đề. Niệm trước mà mê làm là phạm phu, niệm sau mà ngộ bèn là Phật. Niệm trước dính mắc vào cảnh tức là phạm phu. Niệm sau lìa cảnh tức là Bồ đề.”

“Lại nói : Tự thể của chân tâm, chẳng phải chúng ta nói được. Nó trong suốt như hư không vô biên. Nó tròn sáng như gương sạch. Chê khen chẳng tới, nghĩa lý khó

thông. Không thể lấy chuyện có không, nơi chốn mà xét tốt được chỗ u huyền của nó. Không thể lấy trí thức ngôn ngữ mà bàn thể nhiệm màu của nó. Chỉ có người ngộ nhập nó thì chỉ ở tâm mình mà biết. Như giã nát muôn thứ để làm hương, chỉ đốt một hạt bụi là đủ mọi mùi thơm. Như vào đại dương mà tắm, chỉ ném một hạt nước là dùng trọn nước cả trăm sông.”

”Lại nói : Nguồn chân trong lặng. Biển giác trong ngần. Dứt mọi mối manh danh tướng, không dấu vết năng sở. Tối sơ bất giác, bỗng khởi động tâm. Nhân sáng (minh) mà khởi chiếu, theo chiếu mới lập thành đôi vật. (Câu này giống kinh Lăng Nghiêm : Tánh biển giác lặng khắp ; toàn trong, giác nguyên diệu ; nhân minh chiếu sanh sở ; sở lập tánh chiếu vong...) Cho nên nói : Chúng sanh như gương hiện bóng, thoát khỏi căn thân, do đó mất đời chân tánh, chấp tướng theo danh, tích chứa tịnh trần đã thành bám trệ, kết tập những sóng thức tương tục. Phong kín chân giác mà thành giác mộng đêm trường, đắm chìm trong ba cõi. Bịt mắt trí mà mò mẫm ở trong đường tối, lăn lóc trong chín loài. Ngay trên cảnh giới chẳng đời đời mà luống chịu luân hồi, ngay trong pháp không phược không thoát mà chuốc lấy buộc trói. Như con tầm xuân làm kén tự giam mình, như con thiêu thân mùa thu tự lao vào đèn cháy. Lấy dây tơ vọng tưởng của cái thấy nhị nguyên mà buộc lấy nghiệp chướng của khổ hội tụ, dùng đôi cánh tham ái vô minh mà vác lấy bánh xe lửa cháy lòng của sanh tử...

**Nếu có thể quay ánh sáng về lại nơi mình, ngược lại cảnh mà quán tâm thì mắt Phật sáng suốt mà bóng nghiệp sạch không, pháp thân hiện bày mà vết trần tự dứt.**

Lấy gương trí tự giác này mà cắt đứt, mở ra cái tâm như hòn ngọc bị trói buộc (triền) ở trong, dùng gương tuệ của nhất niệm mà chặt đứt lưới thấy làm trùm lên trần cảnh. Đó thật là tông chỉ cùng tâm, nghĩa lý đạt thức vậy.”

Ở đây chúng ta thấy Thiền sư **Hương Hải** nói rõ quan điểm của Thiền : Chân tâm hay Pháp thân này ai ai cũng sẵn có, nó chẳng phải do ai tạo tác ra. Trái lại càng tạo tác, càng vọng tưởng có-không, thường-đoạn, đến-đi, tăng-giảm thì chân tâm càng bị che lấp. Chỉ vì chúng ta chạy theo tâm sanh diệt, ‘khởi động tâm’, ‘theo chiếu mới lập thành trần, bèn có căn thân và thế giới’ vì ‘tâm (sanh diệt) sanh thì thấy thấy pháp (sanh diệt) sanh, tâm (sanh diệt) diệt thì thấy thấy pháp (sanh diệt) diệt. ‘Dính mắc vào cảnh tức là phạm phu’, như bất giác quên mất gương thì bóng hiện muôn vàn, bèn ‘mất đời chân tánh, chấp tướng theo danh, sóng thức tương tục’ mà làm ra sanh tử. Chúng ta đang tạo ra sanh tử khổ đau ‘như con tầm xuân làm kén tự giam mình’ ‘ngay trên cảnh giới chẳng đổi đời’, ‘chước lấy buộc trói ngay trong pháp không buộc không thoát’.



Vậy thì giải thoát nghĩa là cởi thoát khỏi các lưới tư tưởng phân biệt này, cắt đứt những ‘dây tơ vọng tưởng của cái thấy nhị nguyên ràng buộc’ này đi.

Ngay lúc tâm sanh diệt hay tâm phân biệt không có mặt, lúc ấy tâm không sanh diệt hay tâm không phân biệt (hay ‘chân tâm’, ‘pháp thân’, cái ‘tròn sáng như gương sạch’, ‘hòn ngọc’...) hiện tiền. Ngay khi không phân biệt bóng thì tất cả đều là gương.

Nếu nói đây là một sự thực hành, một công phu, thì thực hành này là lìa các tướng hư vọng phân biệt, lìa tâm sanh diệt phân biệt, không khởi lên tư tưởng phân biệt. Khi sự tách lìa chân tâm khỏi vọng tâm, sự thực hành lìa bỏ các tư tưởng phân biệt sanh diệt này đã đủ để thoát khỏi mạng lưới tư tưởng phân biệt, thì thực tại không sanh diệt, không phân biệt (chân tâm) hiển lộ. Cũng cần nhắc lại một lần nữa rằng sự thực hành này của chúng ta không tạo ra chân tâm, nó chỉ là những cái sanh diệt để đối trị và tiêu trừ những cái sanh diệt hư vọng. Sự thực hành này xảy ra ngay trên chân tâm không sanh diệt.

Bởi thế mà sự hiển lộ của chân tâm không sanh diệt có thể xảy ra bất kỳ thời gian nào, ở bất cứ không gian nào.

Sự tu hành liả tướng, trừ bỏ phân biệt này nói rộng trong Đại thừa thì có ba phương diện chính : định (samatha), quán (tam ma bát đề) và thiền na (xem chương Oai Đức Tự Tại, kinh Viên Giác). Nhưng dù bằng cách nào thì cũng phải đưa đến một kinh nghiệm thấy trực tiếp Chân tâm hay Pháp thân gọi là kinh nghiệm ngộ : dù mắt nhắm hay mở, nói hay nín, tâm động có tư tưởng hay không động không tư tưởng... thì người ta vẫn thấy nghe hay biết Chân tâm, sờ sờ trước mắt.

Nói theo ngôn ngữ của Duy Thức, thì ngộ là việc tham thấu đến thức căn bản thứ tám là A Lại Da, và từ đây xảy ra một sự chuyển hóa đột biến, một phần hay có thể là toàn phần thức A Lại Da từ bất tịnh chuyển thành thanh tịnh, và vì khoảng bất tịnh này đã biến mất thì Pháp thân lộ ra trong khoảng này. Có thể nói Pháp thân là nền tảng vô sanh của A Lại Da, và khi A Lại Da chuyển hóa thành cái mà Duy Thức gọi là thức thứ chín Bạch Tịnh Thức, thì Pháp thân chính là Bạch Tịnh Thức này. Chúng ta thấy ngài **Hương Hải** cũng dùng chữ ‘cùng tâm, đạt thức’, thức ở đây là thức thứ tám A Lại Da đã chuyển hóa về tận cội nguồn vô sanh của nó.

Một khi pháp thân hay thức A lại Da thanh tịnh đã hiển lộ, thì ánh sáng của nó xuyên qua thức thứ bảy Mạt Na, thức thứ sáu Ý thức và năm thức giác quan để có thể nói là Nó “lộn ngược” hiển hiện ra ngoài. Do đó mà các giác quan có thể thấy trực tiếp Nó, hay nói cách khác Nó chiếm lấy các giác quan để biến các giác quan thành

phương tiện của Nó, để người ta mất đi cái thấy nghe hay biết bất tịnh mà chỉ thấy nghe hay biết Nó. Đây là điều Duy thức gọi là “chuyên thức thành Trí”.

Với một kinh nghiệm nhận biết trực tiếp Chân tâm như vậy, từ đây người ta có một nối kết thực sự, vĩnh cửu với Pháp thân, hay là thực tại tối hậu, hay trí vô phân biệt. Từ đây người ta bắt đầu một đời sống mới, đời sống trong cái không sanh không diệt cho đến khi hoàn toàn và rốt ráo.

2. Vọng tâm hay thức được dung nhiếp vào chân tâm hay Trí

Khi đã thấy Chân tâm là gì bằng một kinh nghiệm trực tiếp (hay Thiền gọi là Đốn ngộ) người ta bắt đầu tiếm tu hay sống trong Thực Tại đó. Nếu nói theo tiến trình Khai Thị Ngộ Nhập của kinh Pháp Hoa thì đây là Nhập, sự đi sâu vào pháp tánh hay Pháp thân. Theo ngôn ngữ của kinh Hoa Nghiêm, gọi là Nhập Pháp Giới. Nếu nói theo hệ thống Bát Nhã thì đây là quá trình chuyển những sắc thanh hương vị xúc pháp... nghĩa là tất cả thế giới sanh tử chưa tiêu dung hết của chúng ta vào tánh Không, và Sắc tức là Không bao nhiêu thì Không tức là Sắc bấy nhiêu.

Thiền sư **Hương Hải** nói về sự an trụ trong Chân Tâm, khi giải thích **kinh Kim Cương** như sau :

“Ứng như thị trụ là hợp thường trụ, bất sanh bất diệt, an tâm tự tại. (Như thị) hàng phục kỳ tâm là đã thấy bản tánh, chẳng còn móng sanh vọng niệm. Dầu đã rời vọng niệm, ắt bèn hàng phục chỗ chung lòng ấy vậy.” (Hương Hải toàn tập – Lê Mạnh Thát dịch từ tiếng Nôm.)

Nếu dùng thuật ngữ Thiền tông thường dùng thì “nhất niệm tương ưng” để chỉ trong một khoảnh khắc ngộ bèn tiếp xúc được, thấy được, tương ưng được, sống được với Chân tâm. Và sau đó “niệm niệm tương ưng” để chỉ sự tiếp xúc thường trực, không lìa rời, tương ưng trong từng khoảnh khắc hay sống liên tục trong đó.

Thiền sư **Hương Hải** nói đến điều này như sau :

“Người học biết mỗi niệm (tu tưởng) vừa khởi thì thấu rõ là không thể đắc, đây là quá khứ Phật. Quá khứ đã không có thì vị lai cũng không, đây là vị lai Phật. Ngay hiện giờ niệm niệm (mỗi khoảnh khắc) chẳng trụ, đây là hiện tại Phật. Niệm niệm tương ưng tức niệm niệm thành Phật, đó là pháp môn phương tiện tối sơ.”

Trong Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa, ngài **Hương Hải** nói :

“Thường trụ chân tâm, ắt thật chân tánh vậy. Nếu từ vô lượng kiếp nhân nay hằng chánh định, bèn chưa từng loạn động, há có quá khứ, vị lai, hiện tại, dầu quá khứ, vị lai, hiện tại là vọng tưởng vậy. Những sự lo toan ngày trước là quá khứ tâm, lòng ấy đã rồi. Những sự lo toan ngày sau là vị lai tâm, lòng ấy chưa dấy. Những sự lo toan bây giờ là hiện tại tâm, lòng ấy chẳng thật. Như thế suy cầu, tìm kỹ lòng ấy, hay chẳng khá được. Dầu hiểu biết vô pháp, vô tướng, vô sự là bình thường tâm, bình thường tâm ắt là pháp thể không tịch, chẳng từng sanh chẳng từng diệt, lâu lâu thanh tịnh. Há có tiền niệm, kim niệm, hậu niệm bèn khá được vậy.”

Nếu giai đoạn một là ngộ, thì đó là ngộ Như Lai tạng, nhưng xưa nay ít người ngộ một lần là triệt suốt trọn vẹn cả Như Lai tạng, cho nên dù ngộ, ngộ ấy vẫn còn một phần là “Như Lai tạng tại triền” (Như Lai tạng còn nằm trong ràng buộc – chữ dùng của Thiền sư **Mã Tổ**), đó là điều mà ngài **Hương Hải** nói là phải ‘lấy gươm trí tuệ giác này mà cắt đứt mở ra cái tâm như hòn ngọc bị trói buộc (triền) ở trong, dùng gươm tuệ của nhất niệm mà chặt đứt lưới thấy lầm trùm lên trần cảnh’, thì ở giai đoạn hai này là “Như Lai tạng xuất triền” (vẫn chữ dùng của ngài **Mã Tổ**) nghĩa là Như Lai Tạng ra khỏi trói buộc.

Khi giảng **kinh Kim Cương**, ngài **Hương Hải** nói về quá trình ra khỏi trói buộc này như sau (ở đây sự trói buộc là bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả) :

“Bậc Bồ tát sơ ngộ, bởi còn chưa khỏi vi tế tứ tướng. Dầu bồ tát lòng còn chút thiếu ngộ, ắt thật chưa rời nhân tướng. Dầu bồ tát thấy ý niệm phiền não mà hàng phục, vậy ắt thật chưa rời chúng sanh tướng. Dầu bồ tát thấy có thanh tịnh tâm mà khá chứng được ắt chưa rời thọ giả tướng. Khi chúng sanh còn mê, chưa khỏi vọng tâm phiền não triền phược, Phật phải phương tiện lập pháp giải thoát mà độ chúng sanh cho thấy bản tánh. Dầu đã thấy tánh, bấy giờ nhân không ắt pháp cũng không. Bệnh khứ, dục vong, thật là vô pháp khả đắc.”

Tóm lại giai đoạn một là sự kiện thấy được pháp thân, biết có thực tại tối hậu để giải thoát, ngộ được vô sai biệt trí hay căn bản trí là giai đoạn kiến đạo vị, thì giai đoạn hai là tu tập vị, tức là sự khai triển của thực tại này trong dòng sống của cá nhân.

Nếu giai đoạn một là trực tiếp thấy được tánh Không thì giai đoạn hai là đưa tất cả những gì còn lại tạo ra thân tâm và thế giới trở về tánh Không.

Giai đoạn một là lần đầu tiên thấy được Niết bàn, thì giai đoạn hai là đưa tất cả những gì còn lại của sanh tử trở thành Niết bàn.

Nói cụ thể đây là giai đoạn đưa tất cả những vọng tưởng về trong bản tánh vô niệm (tức Chân tâm) của chúng.

Trong giai đoạn này, ở cấp độ thứ năm (tức là Đệ ngũ Nan Thắng địa) vô sai biệt trí hay căn bản trí sẽ hòa nhập với sai biệt trí hay hậu đắc trí, sự hòa nhập này là khó thực hiện, khó vượt qua (Nan Thắng) để tiến lên khiến cả hai trí này trở thành viên mãn nơi một vị Phật.

3. Vọng tâm hoàn toàn được dung nhiếp vào để trở thành chính Chân tâm : tất cả là diệu dụng của Chân tâm

Ở giai đoạn hai có sự hòa nhập giữa Niết bàn và sanh tử, giữa vô sai biệt trí và sai biệt trí, giữa vô niệm và niệm. Nghĩa là càng nhập pháp giới thì hai thế giới, thế giới của Lý hay Không và thế giới của Sự hay Sắc cùng hòa lẫn để cả hai là một.

Nói cụ thể, **niệm khởi cũng chính là vô niệm, đang sanh cũng tức là vô sanh.**

Tư tưởng chính là Pháp thân, hình tướng chính là thân Phật...

**Kinh Viên Giác** nói :

“Thiện nam tử ! Hết thấy mọi chướng ngại tức là cứu cánh giác. Chánh niệm và thất niệm (vọng tưởng) đều là giải thoát, thành tựu và hư việc đều là Niết bàn, trí huệ và ngu si cùng là Bát nhã. Những thành tựu của bồ tát và của ngoại đạo đều là Bồ đề. Chân Như và vô minh không khác cảnh giới, giới định huệ và dâm nộ si cùng là phạm hạnh. Chúng sanh, quốc độ cùng là pháp tánh. Địa ngục thiên cung toàn là tịnh độ. Có chủng tánh với không có chủng tánh đều thành Phật đạo. Hết thấy phiền não rốt ráo là giải thoát. Huệ như biển cả soi rõ mọi tướng cũng như hư không. Đó gọi là sự tùy thuận tánh Giác của Như Lai.”

Đây là sự khai mở triệt để của cả hai, vô sai biệt trí hay căn bản trí (thấy tánh Không) và sai biệt trí hay hậu đắc trí (biết các sắc).

Đây là chỗ Thiên sư **Hương Hải** nói :



“Vì tri và tịch là một tâm không hai, khế hợp với diệu lý không và hữu dung thông. Không trụ không trước, chẳng nhiếp chẳng thu, phải trái đều quên, năng sở đều dứt. Sự dứt này cũng tịch lặng thì Bát nhã hiện tiền, mỗi tâm là Phật, không tâm nào chẳng phải là tâm Phật, chốn chốn thành đạo, không một mây trần nào chẳng phải là nước Phật.

Bởi thế, chân với vọng, vật với ta, nêu một mà thâm hết. Tâm, Phật, chúng sanh đều cùng một tánh. Thế nên biết, mê thì người theo pháp, pháp pháp muôn sai khác nên người người chẳng đồng. Còn ngộ thì pháp theo người, người người đồng một trí mà dung thông muôn cảnh. Lời nói hết, tư tưởng dứt thì quả nào nhân nào nữa ? Chỉ còn một cái rỗng sáng, không nhớ nghĩ, chan hòa khắp suốt. Giống như tấm gương vô tâm, bóng có thể thấy trong đó như trăng trong nước, hoa trong không, chiếu sáng mà thường không vậy.”

Nói theo chữ dùng của ngài Hương Hải, ‘cùng tâm, đạt thức’, thì đây là sự đạt thấu trọn vẹn bản tánh của thức, nghĩa là chuyển hóa hoàn toàn thức A Lại Da thành Bạch Tịnh Thức. Khi đạt đến hoàn toàn nền tảng vô tự tánh của thức A Lại Da như vậy, tư tưởng (niệm) dù khởi dù diệt cũng đều là diệu dụng của Pháp thân (hay Bạch Tịnh Thức, nói theo hệ thống Duy Thức).

Đến đây chúng ta đã sơ lược phân căn bản con đường ‘rõ tâm, cùng tâm’ của Thiền. Đó cũng là con đường tổng quát của Đại thừa. Trên con đường đó có những bước tiến nhanh chậm khác nhau, những cú nhảy vọt khác nhau, những kinh nghiệm lớn nhỏ khác nhau tùy theo căn cơ từng cá nhân, tùy theo sự tích tập công đức và trí huệ của từng cá nhân ở đời trước và đời này, tùy theo nỗ lực họ đã đặt vào trong việc tìm cầu một kinh nghiệm ngộ, tùy vào những vị thầy họ đã may mắn gặp được... Cũng có thể chỉ cần một kinh nghiệm ngộ đưa người ta đến giai đoạn ba và cũng có những kinh nghiệm quá nhỏ chưa đủ để gọi là ngộ, nghĩa là chưa vượt khỏi giai đoạn một.

Nhưng ở đây chúng ta muốn nói đến một điều, trong quá khứ các Thiền sư Việt Nam đã đạt đến những thành tựu tâm linh rất cao mặc dầu những gì các vị để lại thì khá ít và có thể là không có hệ thống rõ ràng. Nhưng những gì còn lại đó và qua một nghiên cứu sơ lược và nông cạn như chúng ta đang làm ở đây, chúng ta có thể thấy rằng quả thật Thiền là một dòng sống tâm linh của người Việt Nam, nếu không nói nó chính là tâm linh của dân tộc Việt, và trong sự cảm kích các thành tựu của người xưa, hẳn chúng ta thấy rằng chúng ta cần giữ gìn cho được nguồn sống tâm linh đó và phát huy nó ra trong thời đại mới với những hình thức văn minh khác biệt này.

Bởi vì một dân tộc làm sao có thể sống lành mạnh và hoàn thành nhiệm vụ ở đời nếu nó chỉ phát triển về mặt thể xác và vật chất mà không có một sức mạnh (nghĩa là độ rộng lớn và độ sâu xa) của tâm linh ?

\*\*\*

## 10. Tiếp Xúc Với Thực Tại

Về thực tại Chân Tâm này, Quốc sư **Thông Biện** (?-1134) nói (với Hoàng thái hậu **Phù Thánh Linh Nhân**) rằng :

“Thường trụ thế gian, không sanh không diệt, gọi đó là Phật. Hiểu rõ Tâm tông của Phật, hạnh và hiểu tương ứng, gọi đó là Tổ... Và Phật là giác vậy. Cái giác này xưa nay trong lặng thường trụ. Tất cả chúng sanh đều đồng một nguyên lý này, chỉ vì tình trần che khuất, theo nghiệp nổi trôi mà chuyển thành các cõi...”

Khi sắp nhập Niết bàn, sợ người sau mê chấp sanh tẻ, nên **Phật** bảo với ngài **Văn Thù** rằng : “Suốt 49 năm, ta chưa từng nói một chữ, sao bảo là có nói ư ?” Rồi cầm một cành hoa đưa lên, mọi người đều mơ hồ, chỉ có tôn giả **Ca Diếp** nở mặt mỉm cười. Phật biết **Ca Diếp** đã khế ngộ, bèn trao cho chánh pháp nhãn tạng, ấy là vị Tổ thứ nhất. Đây gọi là Tâm tông, ngoài giáo riêng truyền vậy.”

Tất cả chúng sanh đều đồng một thực tại “trong lặng thường trụ, bất sanh bất diệt” này.

Có thể nói nó bao bọc chúng ta, ở khắp quanh ta, thấy cái gì cũng không ngoài nó, nghe cái gì cũng không

ngoài nó, sờ chạm cái gì cũng không thể không phải là nó. Thế mà tại sao chúng ta không thấy, không nghe, không hay, không biết để uổng chịu chìm nổi, trôi lăn ? Làm thế nào thấy được Pháp giới để mới gọi là nhập Pháp giới ? Làm thế nào để nhận biết nó và sống với nó ? Và Thiên, trong một ý nghĩa nào có nghĩa là tham thiên về nó, thế thì tham thiên về nó là như thế nào ?

Cái bí quyết này chúng ta chỉ thấy rải rác đây đó trong những câu thiền ngữ của những Thiền sư, có lẽ một phương pháp rõ ràng là chuyện giữa thầy và trò trong một thực hành mà chỉ thầy và trò biết.

Ở đây chúng ta đọc một đoạn trong ***Pháp Hoa Đề Cương*** của Thiền sư **Thanh Đàm Minh Chánh** ở thế kỷ 19 :

“Hỏi : Tại sao không chỉ thẳng cái thứ nhất là Diệu Tâm xưa nay, mà lại chỉ cái thứ hai là căn tánh để làm phương tiện (nhân) tu hành ?

Đáp : Tâm vốn vô hình, thế nên không có chỗ để chỉ ra. Trước kia đã chẳng nói rồi ư ? Phạm có ngôn ngữ nói năng diễn tả đều không thể nắm bắt được tâm. Nhưng dù tâm không có hình tướng mà tùy ứng dụng của căn nên có dấu vết. Có dấu vết thì có thể chỉ ra, khiến theo

chỗ vết tích ứng dụng đó nhân ánh sáng ấy mà tự thấy được nguồn tâm.

Hỏi : Dấu vết ấy hiện ở đâu ?

Đáp : Ở ngay nơi đối tượng sáu trần hiện ra dấu vết ấy. Do sắc mà hiện ra cái thấy, do thanh mà hiện ra cái nghe, sáu trần là dấu vết ứng dụng của sáu căn. Nay muốn nắm được dấu vết của căn thì chỉ ngay nơi đối tượng sắc thanh mà biết cái thấy cái nghe là gì. Nên biết rằng công dụng của căn là công dụng của tâm, căn nhận biết là tâm nhận biết ; cái khác biệt là căn có sáu công dụng, mà tâm chỉ một thể tinh minh. Chư Phật truyền nhau chính là pháp căn này, các Tổ truyền nhau là Tâm tông ấy. Đó là bí quyết mà các kinh điển khai thị, từ đó mà được căn bản trí. Pháp ấn truyền giữ qua các thời đại cũng lấy cái ấy để phát giác sơ tâm. Chỉ theo căn cơ sâu cạn mà chứng có mau hay chậm đó thôi. Lại cần biết pháp này tùy chỗ đặt tên, có vô lượng sai khác, đều vẫn là pháp ấy mà tên không đồng. Lại các danh hiệu chư Phật và đầu đề kinh cũng là tên khác của tâm pháp này thôi.

Hỏi : Tâm ấy làm sao truyền thọ ?

Đáp : Đức Thế Tôn đưa lên một cành hoa, Ca Diếp mỉm cười, sau đó các Tỳ kheo truyền lại, giữ gìn, cơ duyên khác nhau. Người ngộ đạo tự biết vậy.

Hỏi : Tu trì làm sao ?

Đáp : Dứt ! Dứt ! Thiên sư Đạo Xuyên nói :

Tri âm tự có từng hòa gió  
Gió mát trắng trong trời đất nhàn.

Lại nói :

Đắc nó ở tâm  
Ứng nó ở tay  
Trời đất lâu dài,  
Cứ hễ canh năm gà gáy sáng  
Xuân về hoa núi nở ngàn nơi.

Hỏi : Cứu cánh là gì ?

Đáp : Hòa thượng Phổ Hóa nói : “Tìm chỗ đi không thể được.”

Lại kệ nguyện trong kinh Hoa Nghiêm nói :

Lễ lạy Hoa Nghiêm biển chân tánh  
Thấy thấy quang minh Biến Chiếu Tôn  
Muôn hạnh Phổ Hiền khắp trang nghiêm  
Tất cả chân như pháp giới tạng.

Trân trọng ! Trân trọng !”

\* \* \*

Người xưa có nói : “Tham thiền tham tánh, tánh tham thiền.” Chúng ta làm sao để tiếp xúc với thực tại, để tham thiền, để tương ứng với thực tại ? Làm sao để thấy khi đức Phật đưa cành hoa lên thì thấy đó là tất cả thực tại ?

Chúng ta đã thấy ở Trung Hoa có năm phái Thiền – nhưng tất cả đều xuất phát từ **Lục tổ Huệ Năng** – , trong đó cách dụng công tu hành của hai phái Lâm Tế



và Tào Động về sau có hai quan điểm khá khác biệt nhau. Cụ thể là phái Lâm Tế về sau cho rằng ngồi thiền là để tham cứu công án để ngộ, còn Tào Động về sau thì cho rằng trong ngồi thiền thì đã có ngộ. Sự dụng công tu hành còn khác biệt tùy theo từng vị thầy, tuy vị nào cũng cùng một con đường, một đích đến. Vậy thì đâu là phương pháp tổng quát chung, và từ phương pháp chung ấy, tùy theo mỗi cá tính, mỗi hoàn cảnh, mỗi cơ duyên của thầy và trò mà sử dụng một cách khác nhau ?

Phương pháp tổng quát là muốn thấy tánh, muốn ngộ tánh, thì tánh như thế nào người học phải sống theo, nghĩa là thân, khẩu, tâm ý người học phải “tùy thuận” (chữ dùng theo kinh Viên Giác) theo tánh đó như vậy. Nếu nói theo truyền thống Nam tông, sự tu hành có nghĩa là “như lý tác ý” hay truyền thống Bắc tông Đại thừa, sự tu hành là “như pháp (tánh) mà hành”.

Sở dĩ chúng sanh chúng ta ‘đều đồng một nguyên lý tánh Giác này’ nhưng không thấy nghe hay biết Nó, bởi vì chúng ta luôn luôn theo thói quen nghiệp mà sống trái ngược lại với Nó.

Tu hành là sống tùy thuận theo nó, tới một mức mà chúng ta có thể “quen biết” nó, chúng ta liền thấy nó, liền ngộ.

Nguyên lý tổng quát của sự dụng công tu hành là như vậy. Vì tánh là không trụ vào đâu cả, người học phải “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”. Vì tánh không phân chia chủ thể và đối tượng, ngã và pháp, cho nên người học dù dụng công thế nào cũng phải nhằm thoát khỏi cái thấy có ngã và pháp.

Còn nếu thiên định hay thiên quán mà tăng thêm ngã và pháp thì chắc chắn chẳng bao giờ thấy được pháp tánh. Vì tánh thấy thì chẳng thấy riêng một cái gì cả ; thấy riêng một cái gì thì đó là thức, nghĩa là cái thức phân biệt dựa vào nhãn căn và trôi lăn theo cảnh. Ít ra tánh thấy là cái gì không chuyển dời theo cảnh, như **Nguyễn Du** nói :

Lá rơi hoa nở đầy trước mắt  
Bốn mùa tâm kính tự như như.

Thế nên muốn biết được tánh thấy thì phải thấy mà không có chủ thể và đối tượng : “khi thấy mà có tướng thấy, cái thấy đó chẳng phải là tánh thấy ; cái thấy mà do lìa tướng thấy, đó là tánh thấy siêu việt” (kiến kiến chi thời phi thị kiến ; kiến do ly kiến kiến bất năng cập – Lăng Nghiêm quyển hai).

**Kinh Phật Tụ Thuyết** (Udana) trong **Tương Ưng Bộ** nói : “Trong cái thấy chỉ là cái thấy, không nắm giữ

tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Trong cái nghe chỉ là cái nghe, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Trong cái thọ tướng, chỉ là cái thọ tướng, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Trong cái hiểu biết, chỉ là cái hiểu biết, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng... Do vậy, này Bāhiya, người không là chỗ ấy. Vì rằng người không là chỗ ấy, do vậy, này Bāhiya, người không phải là đời này, không phải là đời sau, không phải là đời chặng giữa. Như vậy là đoạn dứt hết khổ đau.”

Thiền sư **Pháp Loa**, tổ thứ hai phái Thiền Trúc Lâm nói : “Người học Phật trước tiên cần phải thấy tánh. Thấy tánh là chẳng phải có cái để thấy mà gọi là thấy. Mà chính là chỗ không có gì để thấy mới gọi là thấy. Cho nên khi thấy mà chẳng phải thấy, tức là chân tánh hiện. Tánh thấy vốn vô sanh, nên sanh ra cái thấy thì chẳng phải thật có. Tuy không thật có, nhưng tánh của những cái không thật có đó là thật, nên cái tánh thấy chân thật thì không dời đổi. Thế nên gọi là sự thấy tánh chân thật vậy.”

Có lẽ không cần bàn thêm điều gì nữa. Có chăng là niềm tin của chúng ta vào sự việc đó.

Quả thật là đơn giản : **khi thấy mà không trụ vào những hình tướng (những cái nhìn thấy) riêng rẽ nào, thì đó là tánh thấy.**

Khi thấy mà không thấy, không trụ vào một hình bóng riêng rẽ nào, thì đó là cái thấy của mặt gương. Khi ấy chúng ta là toàn thể tấm gương, tức là Đại Viên Cảnh Trí, nói theo Duy Thức.

Điều đơn giản như vậy nhưng khó tin, khó lãnh nhận, chỉ bởi vì chúng ta đã theo thói quen từ bao kiếp để chỉ chọn một góc, một mảnh mà không chịu chọn lấy tất cả cái thấy chân thật, không sanh diệt của tấm gương, rồi lại chạy theo những hình tướng sanh diệt, vừa lìa khỏi bản tánh vừa oan uổng nổi trôi theo khổ đau phiền não.

Quả thật chúng ta không hề khác biệt với chư Phật, chư Tổ, vì ‘tất cả chúng sanh đều đồng một tánh thấy này’, nhưng chúng ta không dám tin, chúng ta chỉ tin theo những hình tướng sanh diệt.

Cho nên bất kỳ lúc nào (bởi vì tánh thấy hiện tiền thường trụ) chúng ta thấy mà không trụ vào và chạy theo những hình tướng sanh diệt, lúc đó chúng ta thấy với tư cách là tánh thấy, với tư cách là tấm gương, và chúng ta là một với tánh thấy, một với tấm gương, chúng ta là một với chư Phật chư Tổ.

\* \* \*

Bởi vì ‘sáu căn là sáu công dụng, mà tâm chỉ là một thể tinh minh’, thể có nghĩa là thấy nghe... cho đến ý tưởng đều chỉ một nguồn gốc là tâm hay tánh. Do đó mà có các danh từ tánh thấy, tánh nghe... tánh nghĩ. Nói như vậy có nghĩa là từ cái thấy, cái nghe... cái nghĩ, chúng ta có thể tìm ra cội nguồn một thể tinh minh của chúng tức là tánh thấy, tánh nghe, tánh nghĩ.

Trong **kinh Lăng Nghiêm**, quyển Sáu, nói về nhĩ căn viên thông, ngài **Văn Thù** nói :

Đại chúng cùng A Nan :  
Xoay cơ nghe điên đảo  
Quay nghe, nghe tự tánh  
Tánh thành : Vô Thượng Đạo.

Thông thường trong đời sống bình thường chúng ta chỉ chạy theo những âm thanh nghe được (trần tướng) rồi từ đó mà khởi lên những tư tưởng phân biệt, tất cả đều là chủ quan của cá nhân ta.

Sống trong sự đuổi theo các âm thanh và các tư tưởng của chính mình, trong sự hỗn loạn xô bồ ấy – cái này chính là sanh tử – chúng ta chẳng biết được tánh nghe vẫn hằng hiện diện đằng sau mọi sóng thức hỗn loạn xô bồ ấy.

Thế nên, bất cứ khi nào chúng ta xoay cái nghe điên đảo lại, để nghe ngược lại cội nguồn của cái nghe (phản văn văn tự tánh), lúc đó chúng ta tiếp xúc được với tánh nghe vốn hằng hiện diện nơi ta, chưa từng rời khỏi chúng ta một mảy may thời gian không gian nào và cũng chưa từng nhiễm ô chút nào bởi những thứ tiếng ở bên ngoài.

Và vì không ô nhiễm như vậy, nên ‘nghe mà chưa từng nghe’.

Để vượt khỏi thế giới sanh diệt, chúng ta phải tìm cho ra cái “suốt ngày nghe mà chưa từng nghe”, và an trụ trong đó.

Đây là sự quy y, nương dựa chân thật mà truyền thống Thiên vẫn nói.

Chư Phật cũng chỉ là tánh nghe đó, chư Tổ cũng chỉ là tánh nghe đó, hiện giờ sự tiếp xúc của chúng ta cũng vẫn là với tánh nghe đó, chỉ có điều sự tiếp xúc ấy còn bị nhiều nhiễu loạn, che chướng, trở ngại, lúc có lúc không, không thì quá nhiều có thì vài khoảnh khắc, nên chưa có thể gọi là viên thông.

Tiếp xúc trực tiếp với tánh nghe bất động ấy đằng sau mọi cái nghe, đó là con đường giải thoát và thành Phật. Con đường ấy có thể rất dài, trải qua rất nhiều kiếp, nhưng dài hay ngắn là do chúng ta.

Rất dài hay rất ngắn cũng chỉ là một Cái Đó, nó vẫn luôn luôn ở với chúng ta.

Dài hay ngắn là ở chỗ chúng ta có dám nhận mình là tánh nghe không sanh không diệt hay chỉ thích chạy theo các cái nghe sanh diệt, có không.

Đối với tư tưởng (các niệm) cũng vậy. Những tư tưởng luôn luôn là cơ hội cho ta tiếp xúc được với cội nguồn không có tư tưởng (người xưa gọi là vô niệm), mà chúng ta có thể gọi là tánh biết.

Sở dĩ chúng ta gọi tánh biết này là không có tư tưởng bởi vì nó hiện diện thường trực ở nơi đó mà không cần có tư tưởng. Tư tưởng chỉ là một cái dụng của nó.

Tánh biết này có mặt ở đó trước khi tư tưởng khởi lên, khi tư tưởng chuyển động nó vẫn ở đó làm không gian trống rỗng cho mọi tư tưởng, và khi tư tưởng tan biến nó vẫn ở đó – tư tưởng tan vào không gian tịch lặng bất sanh bất diệt ấy.

Tư tưởng có hay không có, xoay theo hướng nào, nó vẫn ở đó và bao hàm hết mọi tư tưởng đồng thời chẳng dính dáng gì với tư tưởng.

Cho nên chúng ta có thể tiếp xúc với Nó bất kỳ lúc nào, trước khi tư tưởng khởi, đó là Nó, đang khi tư tưởng khởi, vẫn là Nó và tư tưởng tan biến, đó là Nó.

Sự giải thoát và giác ngộ đơn giản là như vậy, có điều sự thuần thực, tự tại (với tư tưởng và cái không có tư tưởng) thì ở một mức độ không thể nghĩ bàn.

Con đường thành Phật chỉ đơn giản như vậy khiến chúng ta khó tin, nhưng quả thật tất cả chư Tổ, tất cả kinh điển đều nói như vậy, tất cả tông phái đều nói như vậy.

Và như vậy nên mới thật là bình đẳng, thật là thật tế, thật là “dân chủ, tự do”. Việc đó không đòi hỏi phải trải qua những cảnh giới trung gian nào, không đòi hỏi ai phải thay đổi hoàn cảnh sống hay phải theo cái gì, không đòi hỏi hiểu nhiều biết rộng... nghĩa là Nó vô điều kiện.

\* \* \*

Sự tiếp xúc với Nó, đó gọi là tham thiền (hay thiền định nếu chúng ta muốn dùng chữ này). Nhưng sự tiếp xúc phải tới mức đầy đủ, nghĩa là đi đâu cũng gặp Nó, làm gì cũng làm Nó, nghe gì cũng là Nó... thì mới gọi là thật sự tiếp xúc với Nó, thật sự biết tham thiền.

Sự tiếp xúc mơ hồ ban đầu phải đến chỗ tiếp xúc thật sự, để từ đây Nó là một vị duy nhất của đời sống, Nó là cốt lõi trung tâm mà đời sống xoay quanh, Nó là gia tài, kho tàng xưa nay cho đời này lẫn những kiếp tới.



Tiếp xúc thật sự nghĩa là xác quyết rằng Nó là thực tại duy nhất của mọi hình tướng đời sống, là ý nghĩa duy nhất của mọi hoạt động sống, là cái đầu tiên và cuối cùng của mọi sự thế gian và tất cả Phật pháp.

**Tu Thiền là phải biết rằng ngay lúc này đây chúng ta có thể tiếp xúc với Thực Tại đó, và chúng ta phải tiếp xúc với thực tại đó mới gọi là tham thiền.**

Điều này có thể do tự mình phát giác hay có sự hướng dẫn của một bạn đạo, một vị thầy mà chúng ta gọi là những thiện tri thức.

Sự tiếp xúc đó còn mơ màng hay chưa rõ ràng và mặc dù mơ màng hay chưa rõ ràng vẫn chỉ là Cái Đó.

Sự tiếp xúc chưa rõ ràng này người xưa gọi là Tương Tợ Giác, gần giống với cái biết thật sự. Cho đến lúc sự tiếp xúc là thật sự, chân thật, bấy giờ chúng ta mới được gọi là thật sự biết, thật sự tu. Kể từ lúc tiếp xúc thật sự (hay còn gọi là thấy tánh, thấy Pháp thân), gọi là Tùy Phần Giác, vì chúng ta đã thật sự biết được Cái Đó (hay Pháp thân, Chân tâm...) và biết Nó từng phần, khai mở Nó từng phần (tùy phần) cho đến lúc biết trọn vẹn (gọi là Cứu Cánh Giác).

**Con người chỉ bắt đầu sống đích thực là từ khi nó biết tham thiền, nghĩa là biết tiếp xúc, tương ứng với thực tại, của nó và của thế giới, chúng sanh.**

Trước đó nó chỉ sống trong một cuộc đời xảy ra trong các giác quan và ý thức, do đó rất cạn cợt, nghèo nàn, hữu hạn và bất toại nguyện. Bất toại nguyện là sự thật thứ nhất mà Đức Phật dạy, đó là Khổ đế, và cuộc sống như vậy nằm trong một giới hạn, một phạm vi mà chúng ta gọi là sanh tử.

**Khi biết tiếp xúc với Thực Tại bằng cách tham thiền, con người bắt đầu thực sự hiểu đời sống chân thật là gì, toàn bộ đời sống là gì, bản tánh nền tảng cũng như những biểu lộ thành hiện tượng của đời sống là gì, và do đó nó mới thực sự hưởng thụ được đời sống.**

Đời sống trong bản chất sâu thẳm của nó tức là cái mà kinh Niết Bàn gọi là Thường Lạc Chân Tịnh, và đi vào Đời Sống Chân Thường này là điều mà **kinh Hoa nghiêm** gọi là Nhập Pháp Giới.

Như vậy hành thiền không phải là một cái gì trái với bản chất của con người, trái với tự nhiên, không phải là một kỷ luật đạo Phật đặt ra một cách giả tạo trên cuộc sống thường nhật của con người.

**Hành thiền là sống thuận theo bản tánh mình, thuận theo thực tại, và chính là sống ngược lại với thực tại mới đặt con người vào khổ đau, điên đảo không dứt, khát khao không dứt.**

Nói theo ngôn ngữ Không giáo, hành thiền là sống thuận theo thiên tánh, thiên mệnh của mình.

Chính thực tại tự tánh của mỗi người mới giải quyết cho từng cá nhân và xã hội những vấn nạn hạnh phúc và khổ đau, hòa bình và chiến tranh, hợp nhất và chia rẽ, phần tử và toàn thể, sống và chết... nghĩa là tất cả những vấn nạn mà cuộc sống hữu hạn của con người có thể có được và chẳng bao giờ giải quyết được.

Chẳng lẽ chúng ta cứ mãi chịu khổ đau, sanh diệt, biến đổi, lang thang đói nghèo... ngay trong chính Như Lai tạng của chư Phật, ngay trong định mệnh vinh quang Phật tánh của chính mình. Hoàn thành định mệnh vinh quang của mình là đạt đến điều mà Thiền sư **Y Sơn** (?-1213) diễn tả :

“Các người nên biết, Như Lai thành Chánh Giác, đối với tất cả nghĩa không còn chỗ nào quan sát, đối với tất cả pháp bình đẳng không có gì nghi hoặc, không hai không tướng, không đi không đứng, không lường không hạn, xa lìa hai bên, vĩnh viễn ở nơi trung đạo, vượt khỏi hết thảy văn tự, ngôn thuyết, truyền được thân lượng bằng hết thảy chúng sanh, được thân lượng bằng hết thảy cõi Phật, được thân lượng bằng hết thảy cõi, được thân lượng bằng tất cả chư Phật, được thân lượng bằng hết thảy ngôn ngữ, được thân lượng bằng với chân như, được thân lượng bằng với pháp giới,

được thân lượng bằng với hư không giới, được thân lượng bằng với vô ngại giới, được thân lượng bằng với hết thảy nguyện, được thân lượng bằng với tất cả hạnh, được thân lượng bằng với hết thảy tịch diệt.

Lại nói rằng :

Như Lai thành Chánh Giác  
Thân bằng hết thảy lượng  
Hồi hõ không hồi hõ  
Mắt sáng con người thân.”

\*\*\*

## Lời Kết

Qua sự tiếp cận phác lược và không hệ thống ở trên, chúng ta có thể thấy Thiên tông Việt Nam là một kho tàng văn hóa của đất nước ta.

Nếu không có Thiên tông, chúng ta cũng đã không có một hệ thống triết học về những vấn đề căn bản của đời sống : sống để làm gì ? hạnh phúc là gì và sống thế nào để có hạnh phúc ? khổ đau và bất toàn đến từ đâu ? thực tại tối hậu là gì và nó đáp ứng được gì cho chúng ta ? v.v...

Chúng ta có thể thấy rằng nếu không có Thiên tông chắc là kho tàng văn hóa Việt Nam đã bị thiếu sót khá nhiều và đã không có một sức sống như vậy.

Và không có kho tàng văn hóa đó, chưa chắc lịch sử Việt Nam đã có những thời đại rực rỡ trong quá khứ và cũng chưa chắc đất nước Việt Nam đã tồn tại như một quốc gia.

Nhưng tiềm ẩn dưới bề sâu của nền văn hóa đó, còn quan trọng hơn là kho tàng tâm linh mà Phật giáo Thiên đề lại.

Thế mà điều quan trọng nhất là, đối với Phật giáo Thiên, kho tàng tâm linh ấy không phải là chuyện của cổ nhân, chuyện của lịch sử, mà kho tàng tâm linh ấy

vẫn đang hiện diện trước mắt chúng ta, là kho tàng tâm linh của chính mỗi người chúng ta, bởi vì “tất cả chúng sanh đều có Phật tánh”.

Và sự hiện diện của Thiên là để khai thị ngộ nhập cho mỗi người vào kho tàng tâm linh mà ai cũng có sẵn ấy.

Thực tại đó là điều quan trọng nhất với mỗi chúng ta trong thời đại này.

Nói theo kinh điển, nó là “viên ngọc như ý” thỏa mãn mọi ước vọng, là “thuốc trị bá bệnh” chữa lành tất cả mọi vấn nạn khổ đau của chúng ta, con người và thế giới.

Thực tại ấy không hề thay đổi biến động hao hụt từ xưa đến nay, ‘Pháp vốn như vậy’ : “Chư Phật truyền nhau chính là pháp căn này, các Tổ truyền nhau là Tâm tông ấy...

Pháp ấn truyền giữ qua các thời đại cũng lấy cái ấy để phát giác sơ tâm.

Chỉ theo căn cơ sâu cạn mà chúng có mau chậm đó thôi. Lại cần biết pháp này tùy chỗ đặt tên, có vô lượng sai khác, đều vẫn là pháp ấy mà tên chẳng đồng.

Các danh hiệu chư Phật và đầu đề các kinh cũng là tên khác của tâm pháp này thôi”.

Nó không thể khác, bởi vì nếu khác hay biến đổi thì còn gì Phật giáo nữa.

Nói theo thuật ngữ Phật giáo, về mặt khế lý (khế hợp với chân lý, lý ở đây là thực tại ấy) hoàn toàn không có sự khác biệt nào giữa chư Phật, chư Tổ và với cả chúng ta, nghĩa là vẫn một thực tại ấy, xưa vẫn vậy, nay vẫn vậy, dù sự chứng ngộ có sâu cạn khác nhau.

Về mặt khế cơ, khế hợp với căn cơ, thì hẳn có sai khác. Chúng ta hẳn biết thân thể chúng ta ngày nay đã quen với nhiều tiện nghi nên khó có thể ngày thì đi bộ tối ngủ dưới gốc cây như các đệ tử của đức Phật ngày xưa.

Cơ thể chúng ta ngày nay đã khác, tốt hơn hay xấu hơn chúng ta không bàn đến.

Nội dung tâm thức chúng ta cũng có những cái khác, chúng ta có những ý niệm khác, lối tư duy khác, sinh hoạt đời sống cũng khác...

Nhưng dù tâm thức có những nội dung khác, căn bản nó vẫn là tâm thức con người với những nhiệm ô che chướng và hai khả năng căn bản, trí tưởng tượng và sự tập trung tâm thức, hai khả năng để có thể thực hành thiền định và thiền quán và song tu cả hai thiền định và thiền quán cùng một lúc tức là Thiền.

Và điều quan trọng nhất là dù có khác biệt gì về thân tâm, chúng ta cũng vẫn như người xưa, đang sống trong thực tại đó.

Chúng ta cũng như người xưa, có mắt tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó là sáu cửa để vào cội nguồn bản tánh của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Chúng ta không bắt đầu con đường từ một cái nào khác ngoài sáu cửa đó.

Nhưng chúng ta đã có thêm những nội dung mới nơi sáu căn ấy, bởi thế có thêm những phương tiện – đồng thời là những chướng ngại – để khai thác mở thông con đường về bản tánh của các căn.

Sự khai thác những nội dung mới, những sự kiện mới, những chướng ngại mới này là nghiệp riêng của thời đại chúng ta.

Nói như người xưa, “con người đã té trên mặt đất, nó phải nhờ mặt đất để đứng dậy”.

Cũng vẫn là mặt đất của ngày xưa, nhưng đất bây giờ có thêm những điều kiện khác.

Chính những điều kiện khác này là những thách thức mới, những trở ngại mới mà chúng ta phải đáp ứng.

Âu đó cũng là những vắn nạn và những vinh quang (hay nói theo thuật ngữ Phật giáo : những công đức) cho con người của từng thời đại.

Và như lịch sử đã chứng tỏ, mỗi thời đại đều có những vắn nạn riêng của nó, có khi rất gắt gao và quyết liệt, và con người của thời đại đó phải đáp ứng, phải giải quyết nếu nó muốn sống còn.



Khế cơ và khế thời như vậy luôn luôn là những bài toán cho mỗi thế hệ chúng ta.

Mặt khác, trong thời đại mà Phật giáo cũng “toàn cầu hóa”, nghĩa là một Phật tử bình thường như chúng ta đều có thể tiếp xúc với hầu như tất cả mọi truyền thống Phật giáo trên thế giới.

Sự tiếp xúc này chắc chắn sẽ bổ sung, mở rộng và tăng thêm sức mạnh cho từng truyền thống, nghĩa là cho những con đường đi đến thực tại tối hậu.

Đây là một vấn đề cho truyền thống Thiền, thu hóa và hội nhập những tinh hoa của những truyền thống khác mà không mất chính bản sắc của mình, để đáp ứng được cho lợi lạc của tất cả mọi người.

Hai điều trên đây là những vấn đề hầu như là chung cho bất cứ người Phật tử nào ở bất cứ thời đại nào.

Và chúng ta có thể tin vì đã thấy rằng trong bất cứ thời đại nào, đạo Phật cũng vượt qua và thu hóa những khó khăn, thậm chí những chướng ngại để làm nên sức mạnh của chính mình.

Chúng ta đã thấy và đang thấy sự hiện hữu sống động và đầy năng lực của đạo Phật ở đời là nguồn lợi lạc bao la cho con người.

Núi sông đất nước cảnh vật chùa chiền..., những dấu tích của dòng sống tâm linh vẫn còn đó.

Thế nên, để kết luận, chúng ta không biết làm gì hơn là cầu nguyện cho nguồn năng lực ấy biểu lộ mạnh mẽ với thời đại chúng ta, để cứu vớt khỏi khổ đau, ban cho con người sức mạnh và ý nghĩa sống và giúp cho con người thành tựu được định mệnh cao cả là trở nên toàn thiện và toàn diện.

HẾT

## Chú Thích

1 Nguyên văn câu này : ‘Diệc dĩ như thị’. ‘Dĩ’ ở đây dịch là y, nương, nương vào. Chữ ‘dĩ’ này có thể hiểu là do, lấy, dùng lấy...

2 ‘Trước ba ba sau ba ba’ nằm trong câu chuyện : Xưa Sư Vô Trước Văn Hỷ đến động Kim Cương ở núi Ngũ Đài chiêm bái đức Văn Thù, gặp một ông già đang dắt trâu đi và mời Sư vào chùa. Sau khi mời ngồi, ông già hỏi “Ông từ đâu tới ?” Sư Văn Hỷ đáp : “Phương Nam.” Ông hỏi : “Phật pháp ở phương Nam trụ trì thế nào ?” Sư đáp : “Đời mạt pháp các Tỳ kheo ít phụng trì giới luật.” Ông hỏi : “Chúng nhiều ít ?” Sư đáp : “Hoặc ba trăm, hoặc năm trăm.” Sư Văn Hỷ hỏi lại : “Phật pháp ở đây trụ trì thế nào ?” Ông già trả lời : “Rồng rắn lẫn lộn, phạm thánh ở chung.” Sư hỏi : “Chúng nhiều ít ?” Ông già đáp : “Trước ba ba sau ba ba.” Khi cáo từ ra về, Sư hỏi đồng tử ở với ông già : “Trước ba ba sau ba ba là nhiều ít ?” Đồng tử gọi lớn : “Đại đức !” Sư ứng tiếng : “Dạ !” Đồng tử nói : “Đó là nhiều ít ?”

Sư Văn Hỷ lại hỏi : “Đây là chỗ nào ?” Đồng tử đáp : “Đây là động Kim Cương, chùa Bát Nhã.” Sư mới biết rằng ông già tức là ngài Văn Thù vậy.

3 Đây có lẽ lấy từ câu nói của một số vị Thiền sư thường đáp khi có người hỏi : “Đạo là gì ?” Trả lời : “Bắc đầu phía Nam xem !”

4 Nếu chúng ta chú ý thêm, thì hai chữ “xa” trong chỉ một câu thơ bảy chữ này nói đến một cảm thức “xa xôi”, “xa vắng” rất thường thấy trong tu hành Phật giáo : xa lìa (viễn ly), đi ngoài xa (Viễn hành địa)...

\*\*\*